PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

NGHỊ ĐỊNH THƯ

PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Tiếp theo Công báo số 634 + 635)

Mốc giới số 123 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 618,48m, tọa độ địa lý 22° 39' 49,261" vĩ độ Bắc, 104° 01' 57,098" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 123, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, cắt qua khe, đến mốc giới số 124. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,148km.

Mốc giới số 124 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 622,77m, tọa độ địa lý 22° 39' 52,777" vĩ độ Bắc, 104° 02' 00,647" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 124, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 738m, điểm có độ cao 834m, đến điểm có độ cao 805m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 923m, đến mốc giới số 125. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,717km.

Mốc giới số 125 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 908,18m, tọa độ địa lý 22° 40' 56,847" vĩ độ Bắc, 104° 02' 04,872" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 125, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, qua đỉnh núi Nậm Chảy (Qin Cai Tang Hou Shan) có độ cao 1197m, điểm có độ cao 1148m, đến mốc giới số 126. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,612km.

Mốc giới số 126 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 928,78m, tọa độ địa lý 22° 41' 36,783" vĩ độ Bắc, 104° 01' 41,039" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 126, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1085m, đến mốc giới số 127. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,593km.

Mốc giới số 127 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1003,93m, tọa độ địa lý 22° 41' 50,069" vĩ độ Bắc, 104° 01' 55,341" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 127, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1157m, điểm có độ cao 994m, đến mốc giới số 128. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,461km.

Mốc giới số 128 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 980,12m, tọa độ địa lý 22° 43' 01,335" vĩ độ Bắc, 104° 02' 21,446" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 128, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Nậm Chảy đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng

lưu của các suối Xiao Nan Xi He, suối Nan Xi He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 957m, đến mốc giới số 129. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,207km.

Mốc giới số 129 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 888,24m, tọa độ địa lý 22° 43' 59,966" vĩ độ Bắc, 104° 02' 45,093" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 129, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Nậm Chảy đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối Nan Xi He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 910m, điểm có độ cao 996m, đến mốc giới số 130. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,889km.

Mốc giới số 130 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 905,17m, tọa độ địa lý 22° 44' 19,093" vĩ độ Bắc, 104° 03' 05,282" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 130, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 917m, đến mốc giới số 131. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 131 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 901,30m, tọa độ địa lý 22° 44' 27,664" vĩ độ Bắc, 104° 03' 08,135" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 131, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 132. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,195km.

Mốc giới số 132 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1089,01m, tọa độ địa lý 22° 44' 56,635" vĩ độ Bắc, 104° 03' 33,007" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 132, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1104m (tọa độ địa lý 22° 44' 56,70" vĩ độ Bắc, 104° 03' 36,80" kinh độ Đông), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 133. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,873km.

Mốc giới số 133 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1268,51m, tọa độ địa lý 22° 45' 17,276" vĩ độ Bắc, 104° 03' 50,086" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 133, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 134. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,316km.

Mốc giới số 134 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1333,26m, tọa độ địa lý 22° 45' 25,745" vĩ độ Bắc, 104° 03' 55,625" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 134, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1403m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1484m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 135. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,696km.

Mốc giới số 135 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1506,75m, tọa độ địa lý 22° 45' 44,128" vĩ độ Bắc, 104° 04' 43,247" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 135, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của các suối Văng Xã, suối Sà Hồ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối Nan Xi He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 136. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,485km.

Mốc giới số 136 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1471,33m, tọa độ địa lý 22° 45' 58,136" vĩ độ Bắc, 104° 04' 42,666" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 136, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1510m, đến mốc giới số 137. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,986km.

Mốc giới số 137 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1373,34m, tọa độ địa lý 22° 46' 11,816" vĩ độ Bắc, 104° 05' 09,227" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 137, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Sà Hồ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối Nan Xi He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1398m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 137/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,381km.

Mốc giới số 137/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1341,97m, tọa độ địa lý 22° 46' 16,973" vĩ độ Bắc, 104° 05' 17,697" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 137/1, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 138. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,975km.

Mốc giới số 138 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1325,10m, tọa độ địa lý 22° 47' 13,232" vĩ độ Bắc, 104° 05' 37,150" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 138, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Sà Hồ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của các suối Nan Xi He, suối Yan Shui He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 139. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,546km.

Mốc giới số 139 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1260,47m, tọa độ địa lý 22° 47' 52,864" vĩ độ Bắc, 104° 06' 06,536" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 139, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Sà Hồ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối Yan Shui He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1339m, đến mốc giới số 140. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,018km.

Mốc giới số 140 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1316,90m, tọa độ địa lý 22° 48' 10,343" vĩ độ Bắc, 104° 06' 33,342" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 140, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1332m, đến mốc giới số 141. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,857km.

Mốc giới số 141 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1313,02m, tọa độ địa lý 22° 48' 32,911" vĩ độ Bắc, 104° 06' 49,480" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 141, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 142. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,288km.

Mốc giới số 142 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1360,61m, tọa độ địa lý 22° 48' 40,853" vĩ độ Bắc, 104° 06' 54,108" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 142, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Sà Hồ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối không tên đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1372m, đến mốc giới số 143. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,273km.

Mốc giới số 143 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1285,84m, tọa độ địa lý 22° 48' 49,427" vĩ độ Bắc, 104° 07' 35,800" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 143, đường biên giới theo đường phân thuỷ nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1285m, đến mốc giới số 144. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,503km.

Mốc giới số 144 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, phía Tây đường cái từ Mường Khương (Việt Nam) đi Lao Ka (Trung Quốc), có độ cao là 1204,67m, tọa độ địa lý 22° 48' 42,034" vĩ độ Bắc, 104° 07' 51,196" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 144, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, cắt qua đường cái từ Mường Khương (Việt Nam) đi Lao Ka (Trung Quốc), đến mốc giới số 145. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,029km.

Mốc giới số 145 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, phía Đông đường cái từ Mường Khương (Việt Nam) đi Lao Ka (Trung Quốc), có độ cao là 1204,12m, tọa độ địa lý 22° 48' 41,813" vĩ độ Bắc, 104° 07' 52,190" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 145, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 146. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,890km.

Mốc giới số 146 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1350,28m, tọa độ địa lý 22° 48' 17,579" vĩ độ Bắc, 104° 08' 02,190" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 146, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1362m, đến mốc giới số 146/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,974km.

Mốc giới số 146/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1381,50m, tọa độ địa lý 22° 48' 27,745" vĩ độ Bắc, 104° 08' 32,447" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 146/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 146/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,035km.

Mốc giới số 146/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1388,13m, tọa độ địa lý 22° 48' 28,860" vĩ độ Bắc, 104° 08' 32,666" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 146/2, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Nậm Tâm Ho đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của suối không tên đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1463m, điểm có độ cao 1414m, đến mốc giới số 147. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,269km.

Mốc giới số 147 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1372,92m, tọa độ địa lý 22° 48' 38,527" vĩ độ Bắc, 104° 09' 10,608" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 147, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1445m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1421m, đến mốc giới số 148. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,652km.

Mốc giới số 148 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1390,53m, tọa độ địa lý 22° 49' 06,510" vĩ độ Bắc, 104° 09' 46,349" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 148, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1470m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 149. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,115km.

Mốc giới số 149 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1463,25m, tọa độ địa lý 22° 49' 12,948" vĩ độ Bắc, 104° 10' 11,526" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 149, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1543m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 150. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,988km.

Mốc giới số 150 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1562,34m, tọa độ địa lý 22° 49' 22,187" vĩ độ Bắc, 104° 10' 38,467" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 150, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 151. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,202km.

Mốc giới số 151 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1541,02m, tọa độ địa lý 22° 49' 23,645" vĩ độ Bắc, 104° 10' 44,918" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 151, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1572m, đến mốc giới số 152. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,572km.

Mốc giới số 152 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1599,30m, tọa độ địa lý 22° 49' 34,254" vĩ độ Bắc, 104° 11' 00,184" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 152, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Nậm Tâm Ho đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh

thượng lưu của suối không tên đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 153. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,598km.

Mốc giới số 153 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1527,99m, tọa độ địa lý 22° 49' 21,559" vĩ độ Bắc, 104° 11' 12,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 153, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 154. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,448km.

Mốc giới số 154 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1545,50m, tọa độ địa lý 22° 49' 15,150" vĩ độ Bắc, 104° 11' 24,509" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 154, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 155. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,994km.

Mốc giới số 155 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1491,28m, tọa độ địa lý 22° 49' 31,535" vĩ độ Bắc, 104° 11' 45,369" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 155, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1575m, đến mốc giới số 156. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,372km.

Mốc giới số 156 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1492,66m, tọa độ địa lý 22° 49' 36,038" vĩ độ Bắc, 104° 11' 57,344" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 156, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1564m, đến mốc giới số 157. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,432km.

Mốc giới số 157 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1501,44m, tọa độ địa lý 22° 49' 46,546" vĩ độ Bắc, 104° 12' 44,473" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 157, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1567m, đến mốc giới số 158. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,592km.

Mốc giới số 158 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1506,74m, tọa độ địa lý 22° 49' 52,704" vĩ độ Bắc, 104° 13' 01,462" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 158, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1512m, sau đó theo đường phân

thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1534m, đến điểm có độ cao 1525m (tọa độ địa lý 22° 50' 17,39" vĩ độ Bắc, 104° 13' 58,29" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 159. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,485km.

Mốc giới số 159 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1401,22m, tọa độ địa lý 22° 50' 18,372" vĩ độ Bắc, 104° 14' 07,125" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 159, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 160. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,290km.

Mốc giới số 160 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1370,12m, tọa độ địa lý 22° 50' 21,650" vĩ độ Bắc, 104° 14' 16,420" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 160, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1528m, đến mốc giới số 161. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,918km.

Mốc giới số 161 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1342,48m, tọa độ địa lý 22° 50' 38,612" vĩ độ Bắc, 104° 14' 33,632" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 161, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1583m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 162. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,332km.

Mốc giới số 162 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1473,51m, tọa độ địa lý 22° 50' 28,856" vĩ độ Bắc, 104° 15' 08,670" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 162, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1429m, đến điểm có độ cao 1384m (tọa độ địa lý 22° 50' 40,93" vĩ độ Bắc, 104° 15' 26,16" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 163. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,825km.

Mốc giới số 163 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, phía Tây đường cái, có độ cao là 1303,48m, tọa độ địa lý 22° 50' 41,459" vĩ độ Bắc, 104° 15' 30,031" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 163, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua một đường cái, đến điểm có độ cao 1363m (tọa độ địa lý 22° 50' 40,89" vĩ độ Bắc, 104° 15' 34,12" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1346m (tọa độ địa lý 22° 50' 33,92" vĩ độ

Bắc, 104° 15' 38,18" kinh độ Đông), đến mốc giới số 164. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,565km.

Mốc giới số 164 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1396,31m, tọa độ địa lý 22° 50' 29,317" vĩ độ Bắc, 104° 15' 42,891" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 164, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 165. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,389km.

Mốc giới số 165 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1259,31m, tọa độ địa lý 22° 50' 24,493" vĩ độ Bắc, 104° 15' 53,481" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 165, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 165/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,151km.

Mốc giới số 165/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1209,96m, tọa độ địa lý 22° 50' 26,213" vĩ độ Bắc, 104° 15' 58,349" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 165/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 166. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,430km.

Mốc giới số 166 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 972,09m, tọa độ địa lý 22° 50' 15,078" vĩ độ Bắc, 104° 16' 04,661" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 166, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 988m, đến mốc giới số 167. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,046km.

Mốc giới số 167 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 467,33m, tọa độ địa lý 22° 49' 46,389" vĩ độ Bắc, 104° 16' 15,360" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 167, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam 40m, đến giao điểm giữa đường sống núi và trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính Sông Xanh (Ge Suo He), hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 168, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 168(1) và cột mốc số 168(2) với trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He). Chiều dài đoạn biên giới này là 3,768km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 3,728km.

Trong đoạn sông biên giới này có 2 cồn, trong đó cồn số hiệu 1 quy thuộc Việt Nam, cồn số hiệu 2 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 168 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 168(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc, có độ cao là 418,10m, tọa độ địa lý 22° 47' 54,906" vĩ độ Bắc, 104° 15' 46,744" kinh độ Đông; cột mốc số 168(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam, có độ cao là 412,98m, tọa độ địa lý 22° 47' 57,158" vĩ độ Bắc, 104° 15' 42,452" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 168(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(2) là 66,91m; khoảng cách từ cột mốc số 168(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(1) là 73,77m.

Từ mốc giới số 168, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He), hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 169, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 169(1) và cột mốc số 169(2) với trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 4,101km.

Mốc giới số 169 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 169(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc, phía Đông Bắc cầu Thiên Sinh, có độ cao là 281,14m, tọa độ địa lý 22° 45' 54,916" vĩ độ Bắc, 104° 15' 33,251" kinh độ Đông; cột mốc số 169(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam, phía Tây Nam cầu Thiên Sinh, có độ cao là 279,30m, tọa độ địa lý 22° 45' 54,497" vĩ độ Bắc, 104° 15' 32,100" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 169(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(2) là 20,73m; khoảng cách từ cột mốc số 169(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(1) là 14,54m.

Từ mốc giới số 169, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He), hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 170, tức là giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 3,026km.

Mốc giới số 170 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 170(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Chảy (Hei He), có độ cao là 197,99m, tọa độ địa lý 22° 44' 31,523" vĩ độ Bắc, 104° 16'

11,622" kinh độ Đông; cột mốc số 170(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Chảy (Hei He), có độ cao là 203,88m, tọa độ địa lý 22° 44' 27,822" vĩ độ Bắc, 104° 16' 12,573" kinh độ Đông; cột mốc số 170(3) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Chảy (Hei He), có độ cao là 203,24m, tọa độ địa lý 22° 44' 30,621" vĩ độ Bắc, 104° 16' 08,844" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(2) là 29,51m; khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 87,55m; khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(3) là 39,72m; khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 44,27m; khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến cột mốc số 170(3) là 136,88m.

Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) là 33,84m; khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) là 100,52m; khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) là 57,62m.

Từ mốc giới số 170, đường biên giới ngược theo trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 171, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 171(1) và cột mốc số 171(2) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,984km.

Mốc giới số 171 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 171(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Chảy (Hei He) phía Trung Quốc, có độ cao là 212,53m, tọa độ địa lý 22° 44' 18,096" vĩ độ Bắc, 104° 17' 16,705" kinh độ Đông; cột mốc số 171(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Sông Chảy (Hei He) phía Việt Nam, có độ cao là 208,63m, tọa độ địa lý 22° 44' 15,541" vĩ độ Bắc, 104° 17' 15,475" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 171(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(2) là 43,88m; khoảng cách từ cột mốc số 171(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(1) là 42,22m.

Từ mốc giới số 171, đường biên giới ngược theo trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến giao điểm giữa trung

tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) và trung tuyến dòng chảy sông Xiao Bai He trong lãnh thổ Trung Quốc, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam 65m, đến mốc giới số 172. Chiều dài đoạn biên giới này là 7,228km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 7,163km.

Mốc giới số 172 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 225,84m, tọa độ địa lý 22° 42' 40,112" vĩ độ Bắc, 104° 20' 32,578" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 172, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 461m, đến mốc giới số 173. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,372km.

Mốc giới số 173 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 615,39m, tọa độ địa lý 22° 42' 05,007" vĩ độ Bắc, 104° 20' 55,109" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 173, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 174. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,196km.

Mốc giới số 174 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 663,82m, tọa độ địa lý 22° 42' 00,165" vĩ độ Bắc, 104° 20' 59,577" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 174, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 749m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 175. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,777km.

Mốc giới số 175 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 956,60m, tọa độ địa lý 22° 41' 36,652" vĩ độ Bắc, 104° 21' 06,215" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 175, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 175/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,164km.

Mốc giới số 175/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1010,45m, tọa độ địa lý 22° 41' 32,726" vĩ độ Bắc, 104° 21' 10,120" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 175/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 176. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,228km.

Mốc giới số 176 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1028,96m, tọa độ địa lý 22° 41' 30,908" vĩ độ Bắc, 104° 21' 17,574" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 176/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,085km.

Mốc giới số 176/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1049,96m, tọa độ địa lý 22° 41' 29,548" vĩ độ Bắc, 104° 21' 20,161" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 176/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,245km.

Mốc giới số 176/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1121,12m, tọa độ địa lý 22° 41' 31,088" vĩ độ Bắc, 104° 21' 28,436" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 176/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,021km.

Mốc giới số 176/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1121,57m, tọa độ địa lý 22° 41' 31,737" vĩ độ Bắc, 104° 21' 28,603" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/3, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 176/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,149km.

Mốc giới số 176/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1152,88m, tọa độ địa lý 22° 41' 31,289" vĩ độ Bắc, 104° 21' 33,788" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/4, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 176/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,231km.

Mốc giới số 176/5 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1195,14m, tọa độ địa lý 22° 41' 32,705" vĩ độ Bắc, 104° 21' 41,297" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/5, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 176/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,042km.

Mốc giới số 176/6 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1191,83m, tọa độ địa lý 22° 41' 31,370" vĩ độ Bắc, 104° 21' 41,568" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 176/6, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 177. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,557km.

Mốc giới số 177 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1188,49m, tọa độ địa lý 22° 41' 30,104" vĩ độ Bắc, 104° 21' 59,369" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 177, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh của Sông Chảy đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh của sông Xiao Bai He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1234m (tọa độ địa lý 22° 41' 30,38" vĩ độ Bắc, 104° 22' 02,13" kinh độ Đông), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1205m (tọa độ địa lý 22° 41' 28,56" vĩ độ Bắc, 104° 21' 59,75" kinh độ Đông), rồi theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1315m (tọa độ địa lý 22° 41' 23,28" vĩ độ Bắc, 104° 21' 59,81" kinh độ Đông), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1401m, điểm có độ cao 1468m, đến mốc giới số 178. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,751km.

Mốc giới số 178 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1429,83m, tọa độ địa lý 22° 41' 33,162" vĩ độ Bắc, 104° 22' 40,915" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 178, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1399m, đến mốc giới số 179. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,875km.

Mốc giới số 179 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1355,46m, tọa độ địa lý 22° 42' 16,097" vĩ độ Bắc, 104° 23' 21,100" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 179, đường biên giới theo đường phân thuỷ nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, đến đỉnh núi Chúng Chu (Lao Hu Shan) có độ cao 1679m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1589m, rồi theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 180. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,486km.

Mốc giới số 180 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1471,03m, tọa độ địa lý 22° 42' 39,420" vĩ độ Bắc, 104° 24' 17,123" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 180, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 180/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,169km.

Mốc giới số 180/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1526,84m, tọa độ địa lý 22° 42' 43,525" vĩ độ Bắc, 104° 24' 20,193" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 180/1, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 180/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,307km.

Mốc giới số 180/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1526,75m, tọa độ địa lý 22° 42' 48,632" vĩ độ Bắc, 104° 24' 11,768" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 180/2, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua đỉnh núi Chúng Dế (Diao Shu Shan), đến mốc giới số 181. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,250km.

Mốc giới số 181 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1488,47m, tọa độ địa lý 22° 42' 55,270" vĩ độ Bắc, 104° 24' 16,216" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 181, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1518m, đến mốc giới số 182. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,550km.

Mốc giới số 182 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1443,61m, tọa độ địa lý 22° 43' 10,520" vĩ độ Bắc, 104° 24' 22,455" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 182, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1539m, đến mốc giới số 183. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,004km.

Mốc giới số 183 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1463,24m, tọa độ địa lý 22° 43' 36,048" vĩ độ Bắc, 104° 24' 36,409" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 183, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1530m, đến mốc giới số 184. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,952km.

Mốc giới số 184 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, cạnh đường mòn, có độ cao là 1446,08m, tọa độ địa lý 22° 43' 51,525" vĩ độ Bắc, 104° 25' 00,289" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 184, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1403m, điểm có độ cao 1419m, đến mốc giới số 185. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,299km.

Mốc giới số 185 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1427,60m, tọa độ địa lý 22° 44' 18,606" vĩ độ Bắc, 104° 25' 31,739" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 185, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1468m, điểm có độ cao 1416m, đến mốc giới số 186. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,869km.

Mốc giới số 186 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1422,50m, tọa độ địa lý 22° 44' 32,888" vĩ độ Bắc, 104° 25' 57,820" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 186, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1516m, cắt qua hai đường mòn, qua điểm có độ cao 1574m, đến mốc giới số 187. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,656km.

Mốc giới số 187 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1568,58m, tọa độ địa lý 22° 44' 51,663" vĩ độ Bắc, 104° 26' 50,868" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 187, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1608m, đến mốc giới số 188. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,090km.

Mốc giới số 188 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1569,25m, tọa độ địa lý 22° 45' 05,611" vĩ độ Bắc, 104° 27' 22,583" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 188, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1619m, đến mốc giới số 189. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 189 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1589,64m, tọa độ địa lý 22° 45' 10,067" vĩ độ Bắc, 104° 27' 29,587" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 189, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1681m, đến mốc giới số 190. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,154km.

Mốc giới số 190 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1621,43m, tọa độ địa lý 22° 45' 23,146" vĩ độ Bắc, 104° 28' 02,981" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 190, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1717m, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1791m, đến mốc giới số 191. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,417km.

Mốc giới số 191 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1781,04m, tọa độ địa lý 22° 45' 51,073" vĩ độ Bắc, 104° 28' 40,769" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 191, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 192. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,216km.

Mốc giới số 192 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1994,21m, tọa độ địa lý 22° 46' 13,188" vĩ độ Bắc, 104° 29' 09,044" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 192, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 192/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,022km.

Mốc giới số 192/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1994,37m, tọa độ địa lý 22° 46' 12,642" vĩ độ Bắc, 104° 29' 09,499" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 192/1, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 193. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,987km.

Mốc giới số 193 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1778,17m, tọa độ địa lý 22° 46' 37,193" vĩ độ Bắc, 104° 29' 28,062" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 193, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1908m, đến mốc giới số 194. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,970km.

Mốc giới số 194 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1871,18m, tọa độ địa lý 22° 46' 50,619" vĩ độ Bắc, 104° 29' 51,640" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 194, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1968m, đến mốc giới số 195. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,686km.

Mốc giới số 195 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Tả Ngài Tủng, có độ cao là 1956,96m, tọa độ địa lý 22° 47' 10,901" vĩ độ Bắc, 104° 29' 54,403" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 195, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 196. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,332km.

Mốc giới số 196 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1847,28m, tọa độ địa lý 22° 47' 14,332" vĩ độ Bắc, 104° 30' 05,046" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 196, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1902m, cắt qua một đường mòn, sau đó qua điểm có độ cao 1807m, đến mốc giới số 196/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,922km.

Mốc giới số 196/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1741,04m, tọa độ địa lý 22° 47' 17,170" vĩ độ Bắc, 104° 30' 34,186" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 196/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua đường cái, đến mốc giới số 197. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,353km.

Mốc giới số 197 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại phía Đông đường cái, có độ cao là 1619,56m, tọa độ địa lý 22° 47' 21,452" vĩ độ Bắc, 104° 30' 45,652" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 197, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 198. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,021km.

Mốc giới số 198 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 1619,67m, tọa độ địa lý 22° 47' 21,445" vĩ độ Bắc, 104° 30' 46,386" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 198, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 198/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,105km.

Mốc giới số 198/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1629,91m, tọa độ địa lý 22° 47' 23,225" vĩ độ Bắc, 104° 30' 49,251" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 198/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1632m, đến mốc giới số 198/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,189km.

Mốc giới số 198/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1627,98m, tọa độ địa lý 22° 47' 29,156" vĩ độ Bắc, 104° 30' 50,353" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 198/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1591m (tọa độ địa lý 22° 47' 43,40" vĩ độ Bắc, 104° 30' 59,74" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 199. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,593km.

Mốc giới số 199 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1581,72m, tọa độ địa lý 22° 47' 44,346" vĩ độ Bắc, 104° 31' 00,139" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 199, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 1590m (tọa độ địa lý 22° 47' 45,52" vĩ độ Bắc, 104° 31' 00,12" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1629m, đến mốc giới số 199/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,434km.

Mốc giới số 199/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1585,53m, tọa độ địa lý 22° 47' 52,379" vĩ độ Bắc, 104° 31' 09,705" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 199/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 200. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,142km.

Mốc giới số 200 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1559,57m, tọa độ địa lý 22° 47' 56,835" vĩ độ Bắc, 104° 31' 08,358" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 200, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 201. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,319km.

Mốc giới số 201 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1580,39m, tọa độ địa lý 22° 48' 05,556" vĩ độ Bắc, 104° 31' 13,668" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 201, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 201/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,147km.

Mốc giới số 201/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1563,94m, tọa độ địa lý 22° 48' 08,793" vĩ độ Bắc, 104° 31' 10,372" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 201/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 201/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,066km.

Mốc giới số 201/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1544,63m, tọa độ địa lý 22° 48' 10,903" vĩ độ Bắc, 104° 31' 10,836" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 201/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 202. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,202km.

Mốc giới số 202 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1544,20m, tọa độ địa lý 22° 48' 17,259" vĩ độ Bắc, 104° 31' 12,656" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 202, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 203. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,115km.

Mốc giới số 203 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1546,65m, tọa độ địa lý 22° 48' 17,731" vĩ độ Bắc, 104° 31' 16,641" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 203, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Nàn Xỉn đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của sông Xiao Bai He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 204. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,239km.

Mốc giới số 204 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, cạnh đường mòn, có độ cao là 1590,81m, tọa độ địa lý 22° 48' 20,329" vĩ độ Bắc, 104° 31' 24,077" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 204, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Bắc, qua đỉnh núi Chúng Chu Dìn (Chang Zhu Dian Shan) có độ cao 1645m, đến mốc giới số 205. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,772km.

Mốc giới số 205 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1572,26m, tọa độ địa lý 22° 48' 43,228" vĩ độ Bắc, 104° 31' 26,960" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 205, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua đỉnh núi Chung Háng Dủ có độ cao 1612m, điểm có độ cao 1679m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 206. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,319km.

Mốc giới số 206 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1609,43m, tọa độ địa lý 22° 49' 14,969" vĩ độ Bắc, 104° 31' 53,086" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 206, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1634m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1622m, đến mốc giới số 206/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,064km.

Mốc giới số 206/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1615,80m, tọa độ địa lý 22° 49' 38,721" vĩ độ Bắc, 104° 32' 15,789" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 206/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 207. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,206km.

Mốc giới số 207 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1546,78m, tọa độ địa lý 22° 49' 35,455" vĩ độ Bắc, 104° 32' 21,774" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 207, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1661m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 208. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,525km .

Mốc giới số 208 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1643,10m, tọa độ địa lý 22° 49' 37,857" vĩ độ Bắc, 104° 32' 35,612" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 208, đường biên giới theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung Đông Bắc 85m, đến đầu suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy của suối không tên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 209, tức là giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên với trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả (điểm có độ cao 1156m). Chiều dài đoạn biên giới này là 1,063km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,978km.

Mốc giới số 209 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 209(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của suối không tên với suối Hồ Pả, có độ cao là 1169,25m, tọa độ địa lý 22° 50' 01,443" vĩ độ Bắc, 104° 32' 59,415" kinh độ Đông. Cột mốc số 209(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của suối không tên với suối Hồ Pả, có độ cao là 1169,99m, tọa độ địa lý 22° 50' 01,122" vĩ độ Bắc, 104° 32' 58,523" kinh độ Đông. Cột mốc số 209(3) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của suối không tên với suối Hồ Pả, có độ cao là 1173,50m, tọa độ địa lý 22° 50' 02,841" vĩ độ Bắc, 104° 32' 59,426" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 209(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 209(2) là 18,80m; khoảng cách từ cột mốc số 209(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 209(1) là 8,46m; khoảng cách từ cột mốc số 209(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 209(3) là 21,80m; khoảng cách từ cột mốc số 209(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 209(1) là 21,21m; khoảng cách giữa cột mốc số 209(2) và cột mốc số 209(3) là 58,81m.

Khoảng cách từ cột mốc số 209(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên và trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả là 18,00m; khoảng cách từ cột mốc số 209(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên và trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả là 33,00m; khoảng cách từ cột mốc số 209(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên và trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả là 27,00m.

Từ mốc giới số 209, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1093m, tức là giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả và trung tuyến dòng chảy suối không tên phía Tây Bắc của nó, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo

đường sống núi, hướng chung Tây Bắc 26m, đến mốc giới số 210. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,621km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,595km.

Mốc giới số 210 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1098,70m, tọa độ địa lý 22° 50' 08,306" vĩ độ Bắc, 104° 33' 15,940" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 210, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1258m, điểm có độ cao 1372m, đến mốc giới số 211. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,013km.

Mốc giới số 211 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1439,78m, tọa độ địa lý 22° 50' 15,854" vĩ độ Bắc, 104° 32' 43,581" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 211, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 212. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,317km.

Mốc giới số 212 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1439,69m, tọa độ địa lý 22° 50' 25,022" vĩ độ Bắc, 104° 32' 48,667" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 212, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 213. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,312km.

Mốc giới số 213 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1362,95m, tọa độ địa lý 22° 50' 24,501" vĩ độ Bắc, 104° 32' 58,943" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 213, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 214. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,546km.

Mốc giới số 214 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1224,64m, tọa độ địa lý 22° 50' 32,655" vĩ độ Bắc, 104° 33' 15,314" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 214, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 215. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,964km.

Mốc giới số 215 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, có độ cao là 1010,99m, tọa độ địa lý 22° 50' 33,952" vĩ độ Bắc, 104° 33' 46,228" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 215, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam 60m, đến điểm có độ cao 1001m trên suối Hồ Pả (tọa độ địa lý 22° 50' 32,62" vĩ độ Bắc, 104° 33' 47,67" kinh độ Đông), tức là giao điểm của đường sống núi và trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả, từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối Hồ Pả, hướng chung Bắc -

Tây Bắc, chuyển hướng Đông, đến điểm có độ cao 986m nằm trên suối Hồ Pả (tọa độ địa lý 22° 50' 37,06" vĩ độ Bắc, 104° 33' 50,81" kinh độ Đông), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam 34m, đến mốc giới số 216. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,357km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,263m.

Mốc giới số 216 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1003,31m, tọa độ địa lý 22° 50' 36,086" vĩ độ Bắc, 104° 33' 50,289" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 216, đường biên giới theo đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy mương nước Cốc Cái (Lu Liang Gou), hướng Tây Nam 24m, đến giao điểm giữa đường thẳng này với trung tuyến dòng chảy mương nước Cốc Cái (Lu Liang Gou), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy mương nước Cốc Cái (Lu Liang Gou), hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 217. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,459km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,435km.

Mốc giới số 217 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên mương nước Cốc Cái (Lu Liang Gou), có độ cao là 990,20m, tọa độ địa lý 22° 50' 38,916" vĩ độ Bắc, 104° 33' 56,269" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 217, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy mương nước Cốc Cái (Lu Liang Gou), hướng chung là hướng Đông, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy mương nước này với đường sống núi, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc 63m, đến mốc giới số 218. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,557km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,494km.

Mốc giới số 218 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 979,07m, tọa độ địa lý 22° 50' 40,486" vĩ độ Bắc, 104° 34' 12,250" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 218, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 219. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,456km.

Mốc giới số 219 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 932,39m, tọa độ địa lý 22° 50' 54,123" vĩ độ Bắc, 104° 34' 15,668" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 219, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua đỉnh núi Pả Vi (Long Tan Shan) có độ cao 1048m, điểm có độ cao 1033m, đến mốc giới số 220. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,940km.

Mốc giới số 220 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1030,67m, tọa độ địa lý 22° 51' 12,826" vĩ độ Bắc, 104° 34' 38,679" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 220, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 667m, đến mốc giới số 221. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,343km.

Mốc giới số 221 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 549,47m, tọa độ địa lý 22° 51' 04,785" vĩ độ Bắc, 104° 35' 20,497" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 221, đường biên giới theo đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy suối không tên (Ge Jie He), hướng Đông 14m, đến giao điểm giữa đường thẳng này và trung tuyến dòng chảy suối không tên (Ge Jie He), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối không tên (Ge Jie He), hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 222, tức là giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên (Ge Jie He) với trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,204km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,190km.

Mốc giới số 222 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 222(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của suối không tên (Ge Jie He) và Suối Đỏ (Nan Bei He), có độ cao là 542,80m, tọa độ địa lý 22° 51' 08,572" vĩ độ Bắc, 104° 35' 22,439" kinh độ Đông. Cột mốc số 222(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của suối không tên (Ge Jie He) và Suối Đỏ (Nan Bei He), có độ cao là 541,65m, tọa độ địa lý 22° 51' 10,947" vĩ độ Bắc, 104° 35' 21,700" kinh độ Đông. Cột mốc số 222(3) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của suối không tên (Ge Jie He) và Suối Đỏ (Nan Bei He), có độ cao là 538,46m, tọa độ địa lý 22° 51' 09,651" vĩ độ Bắc, 104° 35' 26,194" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 222(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 222(2) là 8,10m; khoảng cách từ cột mốc số 222(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 222(1) là 67,94m; khoảng cách từ cột mốc số 222(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 222(3) là 49,30m; khoảng cách từ cột mốc số 222(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 222(1) là 62,81m; khoảng cách giữa cột mốc số 222(2) và cột mốc số 222(3) là 134,19m.

Khoảng cách từ cột mốc số 222(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối không tên (Ge Jie He) và trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He) là 50,90m; khoảng cách từ cột mốc số 222(2) đến giao điểm giữa trung tuyến

dòng chảy của suối không tên (Ge Jie He) và trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He) là 81,00m; khoảng cách từ cột mốc số 222(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối không tên (Ge Jie He) và trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He) là 63,20m.

Từ mốc giới số 222, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He), hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 223, tức là giao điểm của đường nối liền cột mốc số 223(1) và cột mốc số 223(2) với trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,215km.

Mốc giới số 223 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc 223(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Suối Đỏ (Nan Bei He) phía Trung Quốc, có độ cao là 529,36m, tọa độ địa lý 22° 51' 03,356" vĩ độ Bắc, 104° 35' 27,082" kinh độ Đông. Cột mốc 223(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Suối Đỏ (Nan Bei He) phía Việt Nam, có độ cao là 533,63m, tọa độ địa lý 22° 51' 02,482" vĩ độ Bắc, 104° 35' 25,697" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 223(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 223(2) là 22,10m. Khoảng cách từ cột mốc số 223(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 223(1) là 25,69m.

Từ mốc giới số 223, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He), hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 224, tức là giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Suối Đỏ (Nan Bei He) với trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He). Đoạn biên giới này biên giới nước, độ dài là 7,853km.

Mốc giới số 224 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 224(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của Suối Đỏ (Nan Bei He) và suối Nậm Cư (Nan Jiang He), có độ cao là 468,39m, tọa độ địa lý 22° 49' 00,469" vĩ độ Bắc, 104° 36' 48,093" kinh độ Đông. Cột mốc số 224(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của Suối Đỏ (Nan Bei He) và suối Nậm Cư (Nan Jiang He), có độ cao là 471,79m, tọa độ địa lý 22° 48' 57,442" vĩ độ Bắc, 104° 36' 47,709" kinh độ Đông. Cột mốc số 224(3) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của Suối Đỏ (Nan Bei He) và suối Nậm Cư (Nan Jiang He), có độ cao là 467,35m, tọa độ địa lý 22° 48' 59,743" vĩ độ Bắc, 104° 36' 45,213" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 224(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 224(2) là 43,00m; khoảng cách từ cột mốc số 224(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 224(1) là 50,78m;

khoảng cách từ cột mốc số 224(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 224(3) là 47,90m; khoảng cách từ cột mốc số 224(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 224(1) là 37,24m; khoảng cách giữa cột mốc số 224(2) và cột mốc số 224(3) là 100,38m.

Khoảng cách từ cột mốc số 224(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của Suối Đỏ (Nan Bei He) và trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He) là 57,00m; khoảng cách từ cột mốc số 224(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của Suối Đỏ (Nan Bei He) và trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He) là 53,00m; khoảng cách từ cột mốc số 224(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối Đỏ (Nan Bei He) và trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He) là 56,00m.

Từ mốc giới số 224, đường biên giới ngược theo trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He), hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Nậm Cư (Nan Jiang He) và trung tuyến dòng chảy suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam 38m, đến mốc giới số 225. Chiều dài đoạn biên giới này là 6,239km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 6,201km.

Mốc giới số 225 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 584,17m, tọa độ địa lý 22° 50' 49,233" vĩ độ Bắc, 104° 37' 25,597" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 225, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 831m, đỉnh núi Xi Kha Ná (Gou Tiao Yan Shan) có độ cao 1069m, đến mốc giới số 226. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,368km.

Mốc giới số 226 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 991,56m, tọa độ địa lý 22° 50' 00,848" vĩ độ Bắc, 104° 38' 15,451" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 226, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1125m, điểm có độ cao 1254m, điểm có độ cao 1297m, đến mốc giới số 227. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,958km.

Mốc giới số 227 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1346,95m, tọa độ địa lý 22° 50' 04,973" vĩ độ Bắc, 104° 39' 14,971" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 227, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1542m, điểm có độ cao 1601m, điểm có độ cao 1718m, điểm có độ cao 1755m, đến mốc giới số 228. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,249km.

Mốc giới số 228 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1711,21m, tọa độ địa lý 22° 49' 18,919" vĩ độ Bắc, 104° 40' 08,292" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 228, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 229. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,588km.

Mốc giới số 229 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1735,63m, tọa độ địa lý 22° 49' 04,206" vĩ độ Bắc, 104° 40' 20,897" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 229, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Cốc Lang đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của sông Kun Nao He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1710m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 230. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,945km.

Mốc giới số 230 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1729,51m, tọa độ địa lý 22° 49' 04,648" vĩ độ Bắc, 104° 40' 47,906" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 230, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 231. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,183km.

Mốc giới số 231 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Chín Pao (Zhu Gun Tang Hou Shan), có độ cao là 1990,03m, tọa độ địa lý 22° 49' 22,376" vĩ độ Bắc, 104° 41' 22,885" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 231, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1931m, điểm có độ cao 2017m, rồi cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 232. Chiều dài đoạn biên giới này là 3,700km.

Mốc giới số 232 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1893,22m, tọa độ địa lý là 22° 49' 15,785" vĩ độ Bắc, 104° 43' 15,854" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 232, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh của suối Cốc Lang, suối Thanh Thuỷ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh của sông Kun Nao He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 2033m, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 2012m, đỉnh núi Cổng Trời (Ye Zhu Tang Shan) có độ cao 2061m, đến mốc giới số 233. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,671km.

Mốc giới số 233 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1991,23m, tọa độ địa lý 22° 49' 32,354" vĩ độ Bắc, 104° 44' 04,004" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 233, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh của suối Thanh Thuỷ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh của sông Kun Nao He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1955m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 234. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,794km.

Mốc giới số 234 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1904,58m, tọa độ địa lý 22° 49' 54,648" vĩ độ Bắc, 104° 44' 03,799" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 234, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1890m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 235. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,801km.

Mốc giới số 235 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1777,63m, tọa độ địa lý 22° 50' 17,042" vĩ độ Bắc, 104° 43' 58,588" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 235, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1810m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1770m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 236. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,716km.

Mốc giới số 236 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1655,61m, tọa độ địa lý 22° 50' 59,231" vĩ độ Bắc, 104° 43' 28,206" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 236, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh của suối Thanh Thuỷ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh của sông Meng Dong He đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 237. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,464km.

Mốc giới số 237 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1539,81m, tọa độ địa lý 22° 51' 07,525" vĩ độ Bắc, 104° 43' 40,731" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 237, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 238. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,898km.

Mốc giới số 238 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1356,64m, tọa độ địa lý 22° 51' 26,032" vĩ độ Bắc, 104° 44' 03,226" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 238, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 239. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,724km.

Mốc giới số 239 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, cạnh đường mòn, có độ cao là 1498,79m, tọa độ địa lý 22° 51' 29,629" vĩ độ Bắc, 104° 44' 26,675" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 239, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 240. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,459km.

Mốc giới số 240 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1666,65m, tọa độ địa lý 22° 51' 28,495" vĩ độ Bắc, 104° 45' 15,748" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 240, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua núi Lùng Chư Phùng (Kou Lin Shan) có độ cao 1707m, đến mốc giới số 241. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,525km.

Mốc giới số 241 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1579,28m, tọa độ địa lý 22° 51' 39,867" vĩ độ Bắc, 104° 45' 25,331" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 241, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 242. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,331km.

Mốc giới số 242 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1643,46m, tọa độ địa lý 22° 51' 49,132" vĩ độ Bắc, 104° 45' 29,761" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 242, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1672m, đến điểm có độ cao 1685m, sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 243. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,994km.

Mốc giới số 243 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1660,92m, tọa độ địa lý 22° 52' 11,207" vĩ độ Bắc, 104° 45' 47,200" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 243, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1556m, điểm có độ cao 1370m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 244. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,065km.

Mốc giới số 244 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1343,42m, tọa độ địa lý 22° 53' 07,400" vĩ độ Bắc, 104° 45' 55,241" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 244, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 245. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,672km.

Mốc giới số 245 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1524,11m, tọa độ địa lý 22° 53' 22,232" vĩ độ Bắc, 104° 46' 11,707" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 245, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1530m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1550m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 246. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,415km.

Mốc giới số 246 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1552,50m, tọa độ địa lý 22° 53' 30,296" vĩ độ Bắc, 104° 46' 13,974" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 246, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1515m, đến mốc giới số 247. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,565km.

Mốc giới số 247 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1448,01m, tọa độ địa lý 22° 54' 09,741" vĩ độ Bắc, 104° 46' 35,965" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 247, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1450m (tọa độ địa lý 22° 54' 18,60" vĩ độ Bắc, 104° 46' 38,60" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 248. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,562km.

Mốc giới số 248 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1433,73m, tọa độ địa lý 22° 54' 21,991" vĩ độ Bắc, 104° 46' 47,620" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 248, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 249. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,998km.

Mốc giới số 249 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1353,15m, tọa độ địa lý 22° 54' 16,289" vĩ độ Bắc, 104° 47' 20,428" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 249, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1414m, đến mốc giới số 250. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,530km

Mốc giới số 250 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, cạnh đường mòn, có độ cao là 1392,84m, tọa độ địa lý 22° 54' 24,038" vĩ độ Bắc, 104° 47' 36,256" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 250, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Thanh Thuỷ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của sông không tên đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1190m, đến mốc giới số 251. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,800km.

Mốc giới số 251 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1216,68m, tọa độ địa lý 22° 54' 41,911" vĩ độ Bắc, 104° 47' 53,713" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 251, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 252. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,806km.

Mốc giới số 252 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1262,33m, tọa độ địa lý 22° 54' 51,374" vĩ độ Bắc, 104° 48' 14,273" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 252, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 253. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,380km.

Mốc giới số 253 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1401,47m, tọa độ địa lý 22° 54' 54,602" vĩ độ Bắc, 104° 48' 26,907" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 253, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 254. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,133km.

Mốc giới số 254 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1400,48m, tọa độ địa lý 22° 54' 53,912" vĩ độ Bắc, 104° 48' 31,529" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 254, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1400m (tọa độ địa lý 22° 54' 54,50" vĩ độ Bắc, 104° 48' 31,80" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1400m (tọa độ địa lý 22° 54' 56,20" vĩ độ Bắc, 104° 48' 30,30" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 1390m (tọa độ địa lý 22° 54' 58,70" vĩ độ Bắc, 104° 48' 30,00" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 255. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,174km.

Mốc giới số 255 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thuỷ, có độ cao là 1394,54m, tọa độ địa lý 22° 54' 58,957" vĩ độ Bắc, 104° 48' 29,858" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 255, đường biên giới theo đường phân thủy giữa các nhánh thượng lưu của suối Thanh Thuỷ đổ vào lãnh thổ Việt Nam và các nhánh thượng lưu của sông không tên đổ vào lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1395m (tọa độ địa lý 22° 55' 05,00" vĩ độ Bắc, 104° 48' 33,00" kinh độ Đông), sau đó theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 256. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,521km.

Mốc giới số 256 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1320,53m, tọa độ địa lý 22° 55' 11,648" vĩ độ Bắc, 104° 48' 38,951" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 256, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 257. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,500km.

Mốc giới số 257 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 1217,67m, tọa độ địa lý 22° 55' 14,803" vĩ độ Bắc, 104° 48' 54,910" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 257, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 258. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,793km.

Mốc giới số 258 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 903,25m, tọa độ địa lý 22° 55' 24,265" vĩ độ Bắc, 104° 49' 18,420" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 258, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 259. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,740km.

Mốc giới số 259 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 662,31m, tọa độ địa lý 22° 55' 27,844" vĩ độ Bắc, 104° 49' 43,313" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 259, đường biên giới theo đường phân thủy nêu trên, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 690m, điểm có độ cao 665m, điểm có độ cao 658m, đến mốc giới số 260. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,231km.

Mốc giới số 260 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường phân thủy, có độ cao là 650,09m, tọa độ địa lý 22° 55' 16,101" vĩ độ Bắc, 104° 50' 21,955" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 260, đường biên giới rời sống núi, theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc 250m, đến giao điểm giữa trung tuyến đáy khe núi và trung tuyến dòng chảy suối Nà La, từ đây chuyển thành biên giới nước, rồi

xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối Nà La, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 261, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 261(1) và cột mốc số 261(2) và trung tuyến dòng chảy suối Nà La. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,136km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 1,886km.

Mốc giới số 261 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 261(1) là mốc loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt trên bờ suối Nà La phía Trung Quốc, phía Tây Bắc cầu đường bộ từ cửa khẩu Thanh Thuỷ (Việt Nam) đi Thiên Bảo (Trung Quốc), có độ cao là 124,68m, tọa độ địa lý 22° 56' 12,943" vĩ độ Bắc, 104° 50' 57,808" kinh độ Đông. Cột mốc số 261(2) là mốc loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt trên bờ suối Nà La phía Việt Nam, phía Đông Bắc cầu đường bộ từ cửa khẩu Thanh Thuỷ (Việt Nam) đi Thiên Bảo (Trung Quốc), có độ cao là 123,88m, tọa độ địa lý 22° 56' 12,727" vĩ độ Bắc, 104° 50' 58,426" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 261(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 261(2) là 9,40m; khoảng cách từ cột mốc số 261(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 261(1) là 9,40m.

Từ mốc giới số 261, đường biên giới theo trung tuyến dòng chảy suối Nà La, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Nà La và trung tuyến dòng chảy Sông Lô (Pan Long Jiang), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc 30m, đến mốc giới số 262. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,136km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,106km.

Mốc giới số 262 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 123,57m, tọa độ địa lý 22° 56' 15,302" vĩ độ Bắc, 104° 51' 01,723" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 262, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 263. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,557km.

Mốc giới số 263 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 430,93m, tọa độ địa lý 22° 56' 23,377" vĩ độ Bắc, 104° 51' 19,239" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 263, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 456m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 264. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 264 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 586,17m, tọa độ địa lý 22° 56' 28,019" vĩ độ Bắc, 104° 51' 33,141" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 264, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 265. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,348km.

Mốc giới số 265 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 817,97m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,431" vĩ độ Bắc, 104° 51' 44,372" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 265, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 265/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,095km.

Mốc giới số 265/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 961,38m, tọa độ địa lý 22° 56' 34,520" vĩ độ Bắc, 104° 51' 46,816" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 265/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 266. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,262km.

Mốc giới số 266 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại đáy khe núi, có độ cao là 997,50m, tọa độ địa lý 22° 56' 42,034" vĩ độ Bắc, 104° 51' 51,167" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 266, đường biên giới theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 267. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,444km.

Mốc giới số 267 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại đáy khe núi, có độ cao là 1070,74m, tọa độ địa lý 22° 56' 55,293" vĩ độ Bắc, 104° 51' 49,812" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 267, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 268. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,078km.

Mốc giới số 268 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Pha Hán, có độ cao là 1155,44m, tọa độ địa lý 22° 56' 56,842" vĩ độ Bắc, 104° 51' 51,894" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 268, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 269. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,268km.

Mốc giới số 269 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1019,41m, tọa độ địa lý 22° 57' 04,864" vĩ độ Bắc, 104° 51' 50,171" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 269, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1082m, đến mốc giới 270. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,509km.

Mốc giới số 270 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1049,92m, tọa độ địa lý 22° 57' 19,515" vĩ độ Bắc, 104° 51' 55,100" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 270, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1098m, điểm có độ cao 1015m, đến mốc giới số 271. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,593km.

Mốc giới số 271 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 962,34m, tọa độ địa lý 22° 58' 03,256" vĩ độ Bắc, 104° 51' 41,240" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 271, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1026m, điểm có độ cao 1030m, điểm có độ cao 1081m, đến mốc giới số 272. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,393km.

Mốc giới số 272 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1043,37m, tọa độ địa lý 22° 58' 40,524" vĩ độ Bắc, 104° 51' 39,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 272, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến mốc giới số 272/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,998km.

Mốc giới số 272/1, là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1072,21m, tọa độ địa lý 22° 58' 39,608" vĩ độ Bắc, 104° 51' 10,965" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 272/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 272/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,090km.

Mốc giới số 272/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 1059,96m, tọa độ địa lý 22° 58' 40,958" vĩ độ Bắc, 104° 51' 08,179" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 272/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến mốc giới số 273. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,159km.

Mốc giới số 273 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1171,06m, tọa độ địa lý 22° 58' 44,228" vĩ độ Bắc, 104° 51' 03,849" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 273, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 273/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,072km.

Mốc giới số 273/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1127,00m, tọa độ địa lý 22° 58' 43,155" vĩ độ Bắc, 104° 51' 01,587" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 273/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 274. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,089km.

Mốc giới số 274 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1114,45m, tọa độ địa lý 22° 58' 42,641" vĩ độ Bắc, 104° 50' 58,523" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 274, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 274/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,120km.

Mốc giới số 274/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1147,61m, tọa độ địa lý 22° 58' 42,753" vĩ độ Bắc, 104° 50' 54,309" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 274/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1188m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 275. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,174km.

Mốc giới số 275 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1148,49m, tọa độ địa lý 22° 58' 46,960" vĩ độ Bắc, 104° 50' 53,973" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 275, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 276. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,373km.

Mốc giới số 276 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1132,90m, tọa độ địa lý 22° 58' 58,298" vĩ độ Bắc, 104° 50' 49,348" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 276, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến mốc giới số 277. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,352km.

Mốc giới số 277 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1141,36m, tọa độ địa lý 22° 59' 06,294" vĩ độ Bắc, 104° 50' 40,504" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 277, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 277/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,146km.

Mốc giới số 277/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1145,68m, tọa độ địa lý 22° 59' 07,734" vĩ độ Bắc, 104° 50' 35,621" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 277/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 277/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 277/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1157,82m, tọa độ địa lý 22° 59' 02,523" vĩ độ Bắc, 104° 50' 26,969" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 277/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 278. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,234km.

Mốc giới số 278 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1188,73m, tọa độ địa lý 22° 59' 04,975" vĩ độ Bắc, 104° 50' 19,198" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 278, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 279. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,533km.

Mốc giới số 279 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1235,16m, tọa độ địa lý 22° 59' 17,632" vĩ độ Bắc, 104° 50' 07,395" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 279, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 280. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,468km.

Mốc giới số 280 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1215,77m, tọa độ địa lý 22° 59' 25,637" vĩ độ Bắc, 104° 50' 17,501" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 280, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1310m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 280/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,450km.

Mốc giới số 280/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1263,97m, tọa độ địa lý 22° 59' 34,398" vĩ độ Bắc, 104° 50' 13,447" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 280/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 281. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,322km.

Mốc giới số 281 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1253,59m, tọa độ địa lý 22° 59' 44,440" vĩ độ Bắc, 104° 50' 16,695" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 281, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến mốc giới số 282. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,235km.

Mốc giới số 282 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1281,83m, tọa độ địa lý 22° 59' 50,781" vĩ độ Bắc, 104° 50' 12,084" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 282, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 1377m, đến mốc giới số 283. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,805km.

Mốc giới số 283 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1313,44m, tọa độ địa lý 22° 59' 51,987" vĩ độ Bắc, 104° 49' 48,432" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 283, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1421m, đến điểm có độ cao 1310m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 284. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,962km.

Mốc giới số 284 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1284,31m, tọa độ địa lý 23° 00' 18,862" vĩ độ Bắc, 104° 49' 50,050" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 284, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1108m, điểm có độ cao 1272m, đến mốc giới số 285. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,774km.

Mốc giới số 285 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1246,03m, tọa độ địa lý 23° 01' 13,463" vĩ độ Bắc, 104° 49' 42,753" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 285, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1307m, đến mốc giới số 286. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,307km.

Mốc giới số 286 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1247,31m, tọa độ địa lý 23° 01' 50,519" vĩ độ Bắc, 104° 49' 31,767" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 286, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 287. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,587km.

Mốc giới số 287 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1402,04m, tọa độ địa lý 23° 02' 00,801" vĩ độ Bắc, 104° 49' 16,077" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 287, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1496m, đỉnh núi Chúng Phùng có độ cao 1688m, đến đỉnh núi Sù Chú Phìn có độ cao 1812m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1827m, rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 288. Chiều dài đoạn biên giới này là 4,085km.

Mốc giới số 288 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1683,36m, tọa độ địa lý 23° 03' 47,962" vĩ độ Bắc, 104° 48' 52,601" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 288, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1819m, đến mốc giới số 289. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,658km.

Mốc giới số 289 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1787,87m, tọa độ địa lý 23° 04' 26,740" vĩ độ Bắc, 104° 49' 00,186" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 289, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1831m, sau đó theo đường sống núi, hướng

chung Bắc - Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến đỉnh núi Xùng Xỉn Lào Thàng có độ cao 1953m, rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến mốc giới số 290. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,115km.

Mốc giới số 290 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1838,54m, tọa độ địa lý 23° 04' 48,531" vĩ độ Bắc, 104° 48' 41,978" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 290, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 290/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,174km.

Mốc giới số 290/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1838,68m, tọa độ địa lý 23° 04' 47,504" vĩ độ Bắc, 104° 48' 35,981" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 290/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 290/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,107km.

Mốc giới số 290/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1890,32m, tọa độ địa lý 23° 04' 48,421" vĩ độ Bắc, 104° 48' 32,370" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 290/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 290/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,498km.

Mốc giới số 290/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1910,61m, tọa độ địa lý 23° 05' 02,578" vĩ độ Bắc, 104° 48' 23,965" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 290/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 291. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,251km.

Mốc giới số 291 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1871,98m, tọa độ địa lý 23° 05' 10,693" vĩ độ Bắc, 104° 48' 22,995" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 291, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 291/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,078km.

Mốc giới số 291/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1898,43m, tọa độ địa lý 23° 05' 12,822" vĩ độ Bắc, 104° 48' 24,481" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 291/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 291/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,115km.

Mốc giới số 291/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1859,69m, tọa độ địa lý 23° 05' 16,571" vĩ độ Bắc, 104° 48' 24,402" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 291/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1910m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 292. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,206km.

Mốc giới số 292 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1891,00m, tọa độ địa lý 23° 05' 22,043" vĩ độ Bắc, 104° 48' 21,020" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 292, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 2056m, đến mốc giới số 293. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,065km.

Mốc giới số 293 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1987,74m, tọa độ địa lý 23° 05' 54,748" vĩ độ Bắc, 104° 48' 15,091" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 293, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 2124m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 294. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,717km.

Mốc giới số 294 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 2030,25m, tọa độ địa lý 23° 06' 44,932" vĩ độ Bắc, 104° 48' 05,516" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 294, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 2060m (tọa độ địa lý 23° 06' 46,70" vĩ độ Bắc, 104° 48' 06,00" kinh độ Đông), đến mốc giới số 295. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 295 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 2150,06m, tọa độ địa lý 23° 06' 54,182" vĩ độ Bắc, 104° 48' 04,109" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 295, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 2132m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 2074m, đến mốc giới số 296. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,126km.

Mốc giới số 296 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1781,79m, tọa độ địa lý 23° 07' 04,616" vĩ độ Bắc, 104° 49' 11,676" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 296, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 297. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,119km.

Mốc giới số 297 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1827,32m, tọa độ địa lý 23° 07' 04,193" vĩ độ Bắc, 104° 49' 15,756" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 297, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1906m, đến mốc giới số 298. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,858km.

Mốc giới số 298 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1875,83m, tọa độ địa lý 23° 06' 39,121" vĩ độ Bắc, 104° 49' 22,020" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 298, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 299. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,495km.

Mốc giới số 299 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1777,00m, tọa độ địa lý 23° 06' 27,486" vĩ độ Bắc, 104° 49' 32,648" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 299, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 299/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,101km.

Mốc giới số 299/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1767,92m, tọa độ địa lý 23° 06' 28,521" vĩ độ Bắc, 104° 49' 36,004" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 299/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 299/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,160km.

Mốc giới số 299/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1785,03m, tọa độ địa lý 23° 06' 32,681" vĩ độ Bắc, 104° 49' 39,397" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 299/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 300. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,130km.

Mốc giới số 300 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1812,60m, tọa độ địa lý 23° 06' 36,323" vĩ độ Bắc, 104° 49' 41,744" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 300, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 300/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,207km.

Mốc giới số 300/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1798,33m, tọa độ địa lý 23° 06' 42,258" vĩ độ Bắc, 104° 49' 45,139" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 300/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 301. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,211km.

Mốc giới số 301 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1816,68m, tọa độ địa lý 23° 06' 48,257" vĩ độ Bắc, 104° 49' 48,758" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 301, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 301/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,053km.

Mốc giới số 301/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1803,30m, tọa độ địa lý 23° 06' 49,768" vĩ độ Bắc, 104° 49' 49,630" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 301/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 302. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,199km.

Mốc giới số 302 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1779,39m, tọa độ địa lý 23° 06' 56,136" vĩ độ Bắc, 104° 49' 50,906" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 302, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 302/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,113km.

Mốc giới số 302/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1794,01m, tọa độ địa lý 23° 06' 56,764" vĩ độ Bắc, 104° 49' 54,803" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 302/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 302/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,229km.

Mốc giới số 302/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1801,18m, tọa độ địa lý 23° 06' 56,567" vĩ độ Bắc, 104° 50' 02,837" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 302/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 303. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,169km.

Mốc giới số 303 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1796,76m, tọa độ địa lý 23° 06' 58,168" vĩ độ Bắc, 104° 50' 08,506" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 303, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1700m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua khe, đến mốc giới số 304. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,667km.

Mốc giới số 304 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1643,06m, tọa độ địa lý 23° 06' 40,893" vĩ độ Bắc, 104° 50' 21,668" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 304, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến điểm có độ cao 1726m, sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 305. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,915km.

Mốc giới số 305 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1753,11m, tọa độ địa lý 23° 07' 09,482" vĩ độ Bắc, 104° 50' 21,868" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 305, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 306. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,457km.

Mốc giới số 306 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1586,57m, tọa độ địa lý 23° 07' 17,750" vĩ độ Bắc, 104° 51' 01,919" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 306, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 307. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,358km.

Mốc giới số 307 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1428,40m, tọa độ địa lý 23° 07' 22,996" vĩ độ Bắc, 104° 51' 12,428" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 307, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1490m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1494m, đến mốc giới số 308. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,607km.

Mốc giới số 308 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1432,02m, tọa độ địa lý 23° 07' 35,570" vĩ độ Bắc, 104° 51' 23,405" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 308, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1450m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 309. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,414km.

Mốc giới số 309 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1394,69m, tọa độ địa lý 23° 07' 45,062" vĩ độ Bắc, 104° 51' 29,398" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 309, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1474m, điểm có độ cao 1414m, đến mốc giới số 310. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,000km.

Mốc giới số 310 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1275,16m, tọa độ địa lý 23° 07' 26,066" vĩ độ Bắc, 104° 51' 47,135" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 310, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 311. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,960km.

Mốc giới số 311 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1291,84m, tọa độ địa lý 23° 07' 31,571" vĩ độ Bắc, 104° 52' 17,743" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 311, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 312. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,360km.

Mốc giới số 312 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1410,99m, tọa độ địa lý 23° 07' 30,214" vĩ độ Bắc, 104° 52' 27,994" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 312, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 313. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,752km.

Mốc giới số 313 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1259,92m, tọa độ địa lý 23° 07' 46,110" vĩ độ Bắc, 104° 52' 43,613" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 313, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, qua đỉnh núi Chín Sóng (Jiu Lang Shan) có độ cao 1337m, đến mốc giới số 314. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,296km.

Mốc giới số 314 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1272,22m, tọa độ địa lý 23° 07' 53,093" vĩ độ Bắc, 104° 52' 36,622" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 314, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 315. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,547km.

Mốc giới số 315 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1037,73m, tọa độ địa lý 23° 08' 10,313" vĩ độ Bắc, 104° 52' 40,348" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 315, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1134m, đến mốc giới số 316. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,152km.

Mốc giới số 316 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1066,37m, tọa độ địa lý 23° 08' 40,458" vĩ độ Bắc, 104° 52' 55,602" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 316, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1076m, đến điểm có độ cao 1010m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 317. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,892km.

Mốc giới số 317 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 946,07m, tọa độ địa lý 23° 09' 06,402" vĩ độ Bắc, 104° 52' 48,845" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 317, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 318. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,789km.

Mốc giới số 318 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 795,81m, tọa độ địa lý 23° 09' 26,696" vĩ độ Bắc, 104° 52' 56,089" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 318, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 719m, đến mốc giới số 319. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,946km.

Mốc giới số 319 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 660,43m, tọa độ địa lý 23° 09' 52,048" vĩ độ Bắc, 104° 52' 52,665" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 319, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 319/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,078km.

Mốc giới số 319/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 649,30m, tọa độ địa lý 23° 09' 54,447" vĩ độ Bắc, 104° 52' 53,535" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 319/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 319/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,136km.

Mốc giới số 319/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 581,70m, tọa độ địa lý 23° 09' 58,445" vĩ độ Bắc, 104° 52' 55,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 319/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 320. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,043km.

Mốc giới số 320 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 581,66m, tọa độ địa lý 23° 09' 59,672" vĩ độ Bắc, 104° 52' 56,270" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 320, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 321. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,549km.

Mốc giới số 321 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 797,09m, tọa độ địa lý 23° 10' 09,335" vĩ độ Bắc, 104° 53' 11,733" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 321, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 942m, sau đó theo dốc núi, hướng chung

Bắc - Đông Bắc, cắt qua khe, đến mốc giới số 322. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,639km.

Mốc giới số 322 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 804,87m, tọa độ địa lý 23° 10' 27,101" vĩ độ Bắc, 104° 53' 21,325" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 322, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 919m, đến mốc giới số 323. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,602km.

Mốc giới số 323 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 863,24m, tọa độ địa lý 23° 10' 39,735" vĩ độ Bắc, 104° 53' 36,967" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 323, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 323/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,103km.

Mốc giới số 323/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 902,41m, tọa độ địa lý 23° 10' 41,705" vĩ độ Bắc, 104° 53' 39,892" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 323/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 323/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,058km.

Mốc giới số 323/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 925,87m, tọa độ địa lý 23° 10' 42,812" vĩ độ Bắc, 104° 53' 41,541" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 323/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 324. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,154km.

Mốc giới số 324 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 997,33m, tọa độ địa lý 23° 10' 45,753" vĩ độ Bắc, 104° 53' 45,906" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 324, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1080m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua đường cái từ Việt Nam sang Trung Quốc, đến mốc giới số 325. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,382km.

Mốc giới số 325 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, phía Đông đường cái từ Việt Nam sang Trung Quốc, có độ cao là 1100,32m, tọa độ địa lý 23° 10' 44,137" vĩ độ Bắc, 104° 53' 58,977" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 325, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1590m, sau đó theo đường thẳng, hướng

Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 326. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,400km.

Mốc giới số 326 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1331,31m, tọa độ địa lý 23° 10' 43,502" vĩ độ Bắc, 104° 54' 44,418" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 326, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 327. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,730km.

Mốc giới số 327 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1498,50m, tọa độ địa lý 23° 10' 29,275" vĩ độ Bắc, 104° 55' 02,369" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 327, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 1562m, đến mốc giới số 327/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,461km.

Mốc giới số 327/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1448,28m, tọa độ địa lý 23° 10' 14,958" vĩ độ Bắc, 104° 55' 02,234" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 327/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1544m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 328. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,674km.

Mốc giới số 328 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1402,70m, tọa độ địa lý 23° 10' 11,778" vĩ độ Bắc, 104° 55' 13,147" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 328, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1506m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 329. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,512km.

Mốc giới số 329 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1402,77m, tọa độ địa lý 23° 10' 03,785" vĩ độ Bắc, 104° 55' 21,720" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 329, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1470m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1517m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 330. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,221km.

Mốc giới số 330 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1459,02m, tọa độ địa lý 23° 09' 39,133" vĩ độ Bắc, 104° 55' 29,643" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 330, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1485m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1482m, rồi theo dốc núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 331. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,687km.

Mốc giới số 331 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1400,04m, tọa độ địa lý 23° 09' 24,341" vĩ độ Bắc, 104° 55' 40,313" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 331, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1416m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 332. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,822km.

Mốc giới số 332 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1272,00m, tọa độ địa lý 23° 09' 21,768" vĩ độ Bắc, 104° 56' 06,588" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 332, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 333. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,552km.

Mốc giới số 333 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1247,83m, tọa độ địa lý 23° 09' 13,714" vĩ độ Bắc, 104° 56' 23,348" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 333, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1342m, đến mốc giới số 334. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,822km.

Mốc giới số 334 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1320,49m, tọa độ địa lý 23° 09' 04,078" vĩ độ Bắc, 104° 56' 49,705" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 334, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 335. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,386km.

Mốc giới số 335 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1307,34m, tọa độ địa lý 23° 09' 14,306" vĩ độ Bắc, 104° 56' 55,021" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 335, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 336. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,862km.

Mốc giới số 336 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1192,27m, tọa độ địa lý 23° 09' 38,364" vĩ độ Bắc, 104° 57' 02,120" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 336, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1344m, sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến mốc giới số 337. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,768km.

Mốc giới số 337 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1088,82m, tọa độ địa lý 23° 09' 57,781" vĩ độ Bắc, 104° 56' 54,279" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 337, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1288m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 338. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,103km.

Mốc giới số 338 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 871,60m, tọa độ địa lý 23° 10' 22,685" vĩ độ Bắc, 104° 57' 02,383" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 338, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 714m, điểm có độ cao 604m, đến mốc giới số 338/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,435km.

Mốc giới số 338/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 549,14m, tọa độ địa lý 23° 11' 32,414" vĩ độ Bắc, 104° 57' 24,521" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 338/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 339. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,120km.

Mốc giới số 339 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 488,50m, tọa độ địa lý 23° 11' 34,140" vĩ độ Bắc, 104° 57' 28,316" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 339, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua Sông Miện (Ba Bu He), đến mốc giới số 340, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 340(1) và cột mốc số 340(2) với trung tuyến đáy khe không tên (Na Cai Gou). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,103km.

Mốc giới số 340 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 340(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe không tên (Na Cai Gou) phía Trung Quốc, có độ cao là 465,51m, tọa độ địa lý 23° 11' 35,609" vĩ độ Bắc, 104° 57' 31,378" kinh độ Đông. Cột mốc số 340(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe không tên (Na Cai Gou) phía Việt Nam, có độ cao là 466,89m, tọa độ địa lý 23° 11' 35,300" vĩ độ Bắc, 104° 57' 32,191" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 340(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 340(2) là 10,00m; khoảng cách từ cột mốc số 340(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 340(1) là 15,00m.

Từ mốc giới số 340, đường biên giới theo trung tuyến đáy khe núi không tên (Na Cai Gou), hướng chung Bắc - Đông Bắc 360m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc 30m, đến mốc giới số 341. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,386km.

Mốc giới số 341 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 558,98m, tọa độ địa lý 23° 11' 46,155" vĩ độ Bắc, 104° 57' 37,240" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 341, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 342. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,266km.

Mốc giới số 342 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 625,63m, tọa độ địa lý 23° 11' 53,226" vĩ độ Bắc, 104° 57' 42,407" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 342, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 343. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,240km.

Mốc giới số 343 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 674,58m, tọa độ địa lý 23° 12' 00,324" vĩ độ Bắc, 104° 57' 44,976" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 343, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 344. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,416km.

Mốc giới số 344 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 694,58m, tọa độ địa lý 23° 11' 58,304" vĩ độ Bắc, 104° 57' 59,447" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 344, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 345. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,122km.

Mốc giới số 345 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 720,79m, tọa độ địa lý 23° 12' 00,672" vĩ độ Bắc, 104° 58' 02,885" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 345, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 346. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,236km.

Mốc giới số 346 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 670,36m, tọa độ địa lý 23° 12' 06,942" vĩ độ Bắc, 104° 58' 07,640" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 346, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 347. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,675km.

Mốc giới số 347 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 552,50m, tọa độ địa lý 23° 12' 16,449" vĩ độ Bắc, 104° 58' 27,341" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 347, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 348. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,237km.

Mốc giới số 348 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 487,26m, tọa độ địa lý 23° 12' 14,506" vĩ độ Bắc, 104° 58' 35,287" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 348, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua suối Xéo Hồ (Jiang Chong He), đến mốc giới số 349. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,061km.

Mốc giới số 349 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ ruộng, có độ cao là 477,93m, tọa độ địa lý 23° 12' 15,093" vĩ độ Bắc, 104° 58' 37,335" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 349, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 349/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,115km.

Mốc giới số 349/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 538,79m, tọa độ địa lý 23° 12' 16,735" vĩ độ Bắc, 104° 58' 40,957" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 349/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 350. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,178km.

Mốc giới số 350 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 574,65m, tọa độ địa lý 23° 12' 20,232" vĩ độ Bắc, 104° 58' 45,925" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 350, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 351. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 351 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 601,69m, tọa độ địa lý 23° 12' 13,221" vĩ độ Bắc, 104° 58' 54,411" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 351, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 352. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,178km.

Mốc giới số 352 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 623,77m, tọa độ địa lý 23° 12' 15,507" vĩ độ Bắc, 104° 59' 00,159" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 352, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 352/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,139km.

Mốc giới số 352/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 602,20m, tọa độ địa lý 23° 12' 11,667" vĩ độ Bắc, 104° 59' 02,705" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 352/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 353. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,102km.

Mốc giới số 353 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 549,96m, tọa độ địa lý 23° 12' 09,271" vĩ độ Bắc, 104° 59' 05,173" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 353, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 353/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,093km.

Mốc giới số 353/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 523,85m, tọa độ địa lý 23° 12' 07,242" vĩ độ Bắc, 104° 59' 07,618" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 353/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 354. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,242km.

Mốc giới số 354 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 631,17m, tọa độ địa lý 23° 12' 02,976" vĩ độ Bắc, 104° 59' 14,597" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 354, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 355. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,893km.

Mốc giới số 355 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 799,78m, tọa độ địa lý 23° 12' 10,173" vĩ độ Bắc, 104° 59' 44,334" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 355, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 355/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,183km.

Mốc giới số 355/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 891,17m, tọa độ địa lý 23° 12' 10,864" vĩ độ Bắc, 104° 59' 50,741" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 355/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến đỉnh núi Tất Kha (Chang Shan Hou Shan) có độ cao 999m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 356. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,077km.

Mốc giới số 356 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1023,21m, tọa độ địa lý 23° 13' 01,637" vĩ độ Bắc, 105° 00' 21,549" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 356, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua đỉnh núi Sàng Sán (Na La Hou Shan) có độ cao 1094m, điểm có độ cao 991m, đến mốc giới số 357. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,200km.

Mốc giới số 357 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 954,84m, tọa độ địa lý 23° 13' 12,211" vĩ độ Bắc, 105° 01' 32,162" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 357, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1034m, điểm có độ cao 1057m, điểm có độ cao 1031m, đỉnh núi Đông Sao có độ cao 1058m, đến mốc giới số 357/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,597km.

Mốc giới số 357/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1031,30m, tọa độ địa lý 23° 14' 05,287" vĩ độ Bắc, 105° 02' 32,244" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 357/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 357/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,107km.

Mốc giới số 357/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1029,46m, tọa độ địa lý 23° 14' 07,928" vĩ độ Bắc, 105° 02' 34,679" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 357/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 358. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,334km.

Mốc giới số 358 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 998,87m, tọa độ địa lý 23° 14' 16,899" vĩ độ Bắc, 105° 02' 41,200" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 358, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1082m, đến mốc giới số 359. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,942km.

Mốc giới số 359 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 993,05m, tọa độ địa lý 23° 14' 38,516" vĩ độ Bắc, 105° 02' 56,051" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 359, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 360. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,540km.

Mốc giới số 360 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1018,15m, tọa độ địa lý 23° 14' 52,202" vĩ độ Bắc, 105° 03' 04,672" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 360, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 361. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,873km.

Mốc giới số 361 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1058,81m, tọa độ địa lý 23° 14' 57,603" vĩ độ Bắc, 105° 03' 30,411" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 361, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 362. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,604km.

Mốc giới số 362 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Bạc (Zhe Yin Shan), có độ cao là 1250,64m, tọa độ địa lý 23° 15' 16,489" vĩ độ Bắc, 105° 03' 33,229" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 362, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 363. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,176km.

Mốc giới số 363 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1135,61m, tọa độ địa lý 23° 15' 27,828" vĩ độ Bắc, 105° 04' 07,821" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 363, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến đỉnh núi Khó Chư (Ya Kou Shan) có độ cao 1232m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 364. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,219km.

Mốc giới số 364 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1169,78m, tọa độ địa lý 23° 15' 30,228" vĩ độ Bắc, 105° 04' 12,728" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 364, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1350m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1456m, đến mốc giới số 365. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,891km.

Mốc giới số 365 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1310,47m, tọa độ địa lý 23° 15' 47,309" vĩ độ Bắc, 105° 04' 31,820" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 365, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua đỉnh núi Hồ Quang Phìn có độ cao 1552m, đến mốc giới số 366. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,750km.

Mốc giới số 366 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1478,74m, tọa độ địa lý 23° 15' 59,993" vĩ độ Bắc, 105° 04' 52,942" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 366, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 367. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,249km.

Mốc giới số 367 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1445,63m, tọa độ địa lý 23° 15' 58,029" vĩ độ Bắc, 105° 05' 00,296" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 367, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 368. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,514km.

Mốc giới số 368 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 1408,39m, tọa độ địa lý 23° 15' 49,714" vĩ độ Bắc, 105° 05' 14,319" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 368, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 1450m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 369. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,360km.

Mốc giới số 369 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 1435,20m, tọa độ địa lý 23° 15' 49,534" vĩ độ Bắc, 105° 05' 25,644" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 369, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1490m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 370. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,341km.

Mốc giới số 370 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1441,61m, tọa độ địa lý 23° 15' 45,853" vĩ độ Bắc, 105° 05' 35,691" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 370, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 1628m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1510m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 371. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,806km.

Mốc giới số 371 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1378,71m, tọa độ địa lý 23° 15' 31,978" vĩ độ Bắc, 105° 05' 51,061" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 371, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1550m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1659m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1630m, sau đó theo

đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 372. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,770km.

Mốc giới số 372 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1513,18m, tọa độ địa lý 23° 14' 55,744" vĩ độ Bắc, 105° 05' 53,690" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 372, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1595m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 373. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,480km.

Mốc giới số 373 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1435,87m, tọa độ địa lý 23° 14' 52,128" vĩ độ Bắc, 105° 06' 06,945" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 373, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1650m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 1670m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 374. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,077km.

Mốc giới số 374 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1545,91m, tọa độ địa lý 23° 14' 47,043" vĩ độ Bắc, 105° 06' 35,411" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 374, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1686m, cắt qua một đường mòn, sau đó qua đỉnh núi Dìn Phán Sán có độ cao 1710m, đến mốc giới số 375. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,848km.

Mốc giới số 375 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1622,05m, tọa độ địa lý 23° 15' 11,168" vĩ độ Bắc, 105° 07' 27,679" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 375, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 376. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,507km.

Mốc giới số 376 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Hà Chú Ha, có độ cao là 1692,13m, tọa độ địa lý 23° 15' 25,745" vĩ độ Bắc, 105° 07' 29,354" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 376, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 376/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,094km.

Mốc giới số 376/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1645,33m, tọa độ địa lý 23° 15' 26,035" vĩ độ Bắc, 105° 07' 32,641" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 376/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 376/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,425km.

Mốc giới số 376/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1670,54m, tọa độ địa lý 23° 15' 22,471" vĩ độ Bắc, 105° 07' 46,097" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 376/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 377. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,622km.

Mốc giới số 377 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1873,57m, tọa độ địa lý 23° 15' 22,621" vĩ độ Bắc, 105° 08' 07,019" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 377, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1904m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 378. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,038km.

Mốc giới số 378 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1622,71m, tọa độ địa lý 23° 15' 42,643" vĩ độ Bắc, 105° 08' 31,321" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 378, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1689m, điểm có độ cao 1634m, đến mốc giới số 379. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,727km.

Mốc giới số 379 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1505,35m, tọa độ địa lý 23° 16' 01,330" vĩ độ Bắc, 105° 09' 21,518" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 379, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 380. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,539km.

Mốc giới số 380 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1697,95m, tọa độ địa lý 23° 16' 17,980" vĩ độ Bắc, 105° 09' 27,408" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 380, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 381. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,318km.

Mốc giới số 381 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1610,29m, tọa độ địa lý 23° 16' 17,429" vĩ độ Bắc, 105° 09' 37,165" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 381, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1799m, đến mốc giới số 382. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,864km.

Mốc giới số 382 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1716,29m, tọa độ địa lý 23° 16' 38,930" vĩ độ Bắc, 105° 09' 53,220" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 382, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 383. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,551km.

Mốc giới số 383 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1657,90m, tọa độ địa lý 23° 16' 49,066" vĩ độ Bắc, 105° 10' 05,794" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 383, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1745m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 384. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,400km.

Mốc giới số 384 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1666,48m, tọa độ địa lý 23° 16' 59,537" vĩ độ Bắc, 105° 10' 04,178" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 384, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1746m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 385. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,353km.

Mốc giới số 385 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1707,29m, tọa độ địa lý 23° 16' 59,582" vĩ độ Bắc, 105° 10' 14,424" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 385, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 386. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,561km.

Mốc giới số 386 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1636,02m, tọa độ địa lý 23° 17' 15,200" vĩ độ Bắc, 105° 10' 11,266" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 386, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 387. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,623km.

Mốc giới số 387 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1674,88m, tọa độ địa lý 23° 17' 19,313" vĩ độ Bắc, 105° 10' 28,130" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 387, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1762m, đến điểm có độ cao 1690m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 388. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,868km.

Mốc giới số 388 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1594,23m, tọa độ địa lý 23° 17' 06,917" vĩ độ Bắc, 105° 10' 48,959" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 388, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến đỉnh núi Chúng Ha Tâu có độ cao 1690m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 389. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,228km.

Mốc giới số 389 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1629,34m, tọa độ địa lý 23° 17' 00,669" vĩ độ Bắc, 105° 10' 51,075" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 389, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 390. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,771km.

Mốc giới số 390 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Chu Ha Bo, có độ cao là 1795,62m, tọa độ địa lý 23° 16' 38,449" vĩ độ Bắc, 105° 10' 56,526" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 390, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 391. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,812km.

Mốc giới số 391 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1667,62m, tọa độ địa lý 23° 16' 46,849" vĩ độ Bắc, 105° 11' 20,623" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 391, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 391/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,074km.

Mốc giới số 391/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1690,84m, tọa độ địa lý 23° 16' 47,866" vĩ độ Bắc, 105° 11' 22,963" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 391/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 391/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,077km.

Mốc giới số 391/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1710,19m, tọa độ địa lý 23° 16' 48,807" vĩ độ Bắc, 105° 11' 25,329" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 391/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1718m, đến mốc giới số 392. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,690km.

Mốc giới số 392 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1572,97m, tọa độ địa lý 23° 16' 52,108" vĩ độ Bắc, 105° 11' 45,459" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 392, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1669m, đến mốc giới số 392/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,472km.

Mốc giới số 392/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1629,56m, tọa độ địa lý 23° 16' 42,175" vĩ độ Bắc, 105° 11' 57,361" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 392/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 392/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,193km.

Mốc giới số 392/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1545,53m, tọa độ địa lý 23° 16' 37,256" vĩ độ Bắc, 105° 11' 53,121" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 392/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 393. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,079km.

Mốc giới số 393 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, phía Bắc đường cái từ Phó Bảng (Việt Nam) đi Dong Gan (Trung Quốc), có độ cao là 1521,95m, tọa độ địa lý 23° 16' 34,857" vĩ độ Bắc, 105° 11' 53,611" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 393, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, cắt qua đường cái từ Phó Bảng (Việt Nam) đi Dong Gan (Trung Quốc), đến mốc giới số 394. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,042km.

Mốc giới số 394 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, phía Nam đường cái từ Phó Bảng (Việt Nam) đi Dong Gan (Trung Quốc), có độ cao là 1521,88m, tọa độ địa lý 23° 16' 33,500" vĩ độ Bắc, 105° 11' 53,624" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 394, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua đỉnh núi Trung Mỏ Pua có độ cao 1779m, đến mốc giới số 395. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,710km.

Mốc giới số 395 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1656,93m, tọa độ địa lý 23° 16' 19,791" vĩ độ Bắc, 105° 12' 08,565" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 395, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 395/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,094km.

Mốc giới số 395/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1667,38m, tọa độ địa lý 23° 16' 17,677" vĩ độ Bắc, 105° 12' 10,918" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 395/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 395/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,072km.

Mốc giới số 395/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1677,04m, tọa độ địa lý 23° 16' 17,258" vĩ độ Bắc, 105° 12' 13,371" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 395/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1765m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 396. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,681km.

Mốc giới số 396 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1555,03m, tọa độ địa lý 23° 16' 13,972" vĩ độ Bắc, 105° 12' 33,027" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 396, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1712m, đến điểm có độ cao 1690m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 397. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,795km.

Mốc giới số 397 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1564,31m, tọa độ địa lý 23° 16' 01,718" vĩ độ Bắc, 105° 12' 46,684" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 397, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua đỉnh núi Lao Xa có độ cao 1682m, điểm có độ cao 1647m, đến mốc giới số 398. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,205km.

Mốc giới số 398 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1510,39m, tọa độ địa lý 23° 16' 09,554" vĩ độ Bắc, 105° 13' 22,644" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 398, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua đỉnh núi Cá Tha có độ cao 1713m, đến mốc giới số 399. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,603km.

Mốc giới số 399 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1613,90m, tọa độ địa lý 23° 15' 56,583" vĩ độ Bắc, 105° 13' 32,583" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 399, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1690m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống

núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 400. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,769km.

Mốc giới số 400 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1562,26m, tọa độ địa lý 23° 15' 40,179" vĩ độ Bắc, 105° 13' 39,878" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 400, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1682m, đến mốc giới số 401. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,819km.

Mốc giới số 401 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1571,65m, tọa độ địa lý 23° 15' 43,920" vĩ độ Bắc, 105° 14' 04,659" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 401, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1682m, đến mốc giới số 402. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,743km.

Mốc giới số 402 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1581,22m, tọa độ địa lý 23° 16' 02,585" vĩ độ Bắc, 105° 14' 11,253" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 402, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1623m, đến mốc giới số 403. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,526km.

Mốc giới số 403 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1506,32m, tọa độ địa lý 23° 16' 17,297" vĩ độ Bắc, 105° 14' 17,979" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 403, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1610m, đến mốc giới số 403/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,391km.

Mốc giới số 403/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1548,38m, tọa độ địa lý 23° 16' 29,658" vĩ độ Bắc, 105° 14' 17,585" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 403/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 404. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,170km.

Mốc giới số 404 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1681,15m, tọa độ địa lý 23° 16' 35,167" vĩ độ Bắc, 105° 14' 18,077" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 404, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1770m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1670m (đo trên bản đồ), rồi theo đường

thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 405. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,012km.

Mốc giới số 405 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1499,40m, tọa độ địa lý 23° 16' 52,089" vĩ độ Bắc, 105° 14' 20,608" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 405, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 1490m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 1719m, rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 406. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,852km.

Mốc giới số 406 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1576,72m, tọa độ địa lý 23° 17' 05,927" vĩ độ Bắc, 105° 14' 05,181" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 406, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến đỉnh núi Há Đề có độ cao 1670m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 407. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,261km.

Mốc giới số 407 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1528,68m, tọa độ địa lý 23° 17' 12,954" vĩ độ Bắc, 105° 14' 04,551" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 407, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 1643m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 408. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,555km.

Mốc giới số 408 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1580,39m, tọa độ địa lý 23° 17' 22,368" vĩ độ Bắc, 105° 14' 14,780" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 408, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua đỉnh núi Há Nhìu Sang có độ cao 1682m, điểm có độ cao 1605m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 409. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,837km.

Mốc giới số 409 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1543,53m, tọa độ địa lý 23° 17' 29,418" vĩ độ Bắc, 105° 14' 39,635" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 409, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 409/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,474km.

Mốc giới số 409/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1633,74m, tọa độ địa lý 23° 17' 40,474" vĩ độ Bắc, 105° 14' 49,675" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 409/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 409/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,090km.

Mốc giới số 409/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1646,85m, tọa độ địa lý 23° 17' 43,207" vĩ độ Bắc, 105° 14' 50,790" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 409/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 410. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,033km.

Mốc giới số 410 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1653,69m, tọa độ địa lý 23° 17' 44,242" vĩ độ Bắc, 105° 14' 51,101" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 410, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 410/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,138km.

Mốc giới số 410/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1728,30m, tọa độ địa lý 23° 17' 48,733" vĩ độ Bắc, 105° 14' 51,370" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 410/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 410/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,103km.

Mốc giới số 410/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1798,66m, tọa độ địa lý 23° 17' 52,092" vĩ độ Bắc, 105° 14' 51,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 410/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1922m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 1910m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1890m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1807m, đến mốc giới số 411. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,625km.

Mốc giới số 411 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1797,34m, tọa độ địa lý 23° 18' 35,938" vĩ độ Bắc, 105° 15' 00,018" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 411/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,021km.

Mốc giới số 411/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1793,97m, tọa độ địa lý 23° 18' 35,851" vĩ độ Bắc, 105° 15' 00,746" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 411/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,051km.

Mốc giới số 411/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1785,69m, tọa độ địa lý 23° 18' 37,323" vĩ độ Bắc, 105° 15' 01,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 411/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,018km.

Mốc giới số 411/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1786,00m, tọa độ địa lý 23° 18' 37,119" vĩ độ Bắc, 105° 15' 02,137" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/3, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 411/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,012km.

Mốc giới số 411/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1786,92m, tọa độ địa lý 23° 18' 36,726" vĩ độ Bắc, 105° 15' 02,096" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/4, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 411/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,157km.

Mốc giới số 411/5 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1778,01m, tọa độ địa lý 23° 18' 37,233" vĩ độ Bắc, 105° 15' 07,454" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/5, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 411/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,087km.

Mốc giới số 411/6 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1763,77m, tọa độ địa lý 23° 18' 39,792" vĩ độ Bắc, 105° 15' 08,441" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 411/6, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1721m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1566m, đến mốc giới số 412. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,398km.

Mốc giới số 412 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1424,79m, tọa độ địa lý 23° 19' 11,669" vĩ độ Bắc, 105° 15' 28,591" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 412, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, qua điểm có độ cao 1496m, đến mốc giới số 413. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,307km.

Mốc giới số 413 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1364,29m, tọa độ địa lý 23° 19' 18,818" vĩ độ Bắc, 105° 15' 22,530" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 413, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 414. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,404km.

Mốc giới số 414 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1588,54m, tọa độ địa lý 23° 19' 31,840" vĩ độ Bắc, 105° 15' 20,600" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 414, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 415. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,128km.

Mốc giới số 415 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1745,01m, tọa độ địa lý 23° 19' 57,374" vĩ độ Bắc, 105° 14' 56,092" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 415, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 416. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,238km.

Mốc giới số 416 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1624,19m, tọa độ địa lý 23° 20' 02,023" vĩ độ Bắc, 105° 15' 02,624" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 416, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1702m, điểm có độ cao 1746m, đến mốc giới số 417. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,515km.

Mốc giới số 417 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1699,08m, tọa độ địa lý 23° 20' 34,301" vĩ độ Bắc, 105° 15' 31,778" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 417, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 417/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,590km.

Mốc giới số 417/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1785,89m, tọa độ địa lý 23° 20' 33,499" vĩ độ Bắc, 105° 15' 51,285" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 417/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 417/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,045km.

Mốc giới số 417/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1793,84m, tọa độ địa lý 23° 20' 33,745" vĩ độ Bắc, 105° 15' 52,864" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 417/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua đỉnh núi Lia Phia (Qing Gang Ling) có độ cao 1806m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1722m, đến mốc giới số 418. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,040km.

Mốc giới số 418 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1692,82m, tọa độ địa lý 23° 20' 21,989" vĩ độ Bắc, 105° 16' 25,774" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 418, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1670m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1598m, đến điểm có độ cao 1646m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 419. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,076km.

Mốc giới số 419 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao 1438,65m, tọa độ địa lý 23° 20' 59,429" vĩ độ Bắc, 105° 17' 09,338" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 419, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1530m, đỉnh núi Thèn Ván (Tian Wan Hou Shan) có độ cao 1516m, điểm có độ cao 1471m, đến mốc giới số 420. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,231km.

Mốc giới số 420 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1421,30m, tọa độ địa lý 23° 21' 32,799" vĩ độ Bắc, 105° 17' 19,439" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 420, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 421. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,614km.

Mốc giới số 421 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1327,94m, tọa độ địa lý 23° 21' 42,240" vĩ độ Bắc, 105° 17' 35,359" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 421, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua đỉnh núi Long Ka (Long Ga Dong Shan) có độ cao 1530m, đến mốc giới số 422. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,431km.

Mốc giới số 422 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1346,27m, tọa độ địa lý 23° 22' 14,929" vĩ độ Bắc, 105° 18' 06,807" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 422, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 423. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,118km.

Mốc giới số 423 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1411,28m, tọa độ địa lý 23° 22' 17,613" vĩ độ Bắc, 105° 18' 09,571" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 423, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 424. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,143km.

Mốc giới số 424 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1419,67m, tọa độ địa lý 23° 22' 21,562" vĩ độ Bắc, 105° 18' 07,480" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 424, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 425. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,169km.

Mốc giới số 425 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 1310,31m, tọa độ địa lý 23° 22' 26,446" vĩ độ Bắc, 105° 18' 09,503" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 425, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 426. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,137km.

Mốc giới số 426 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1227,63m, tọa độ địa lý 23° 22' 30,240" vĩ độ Bắc, 105° 18' 12,030" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 426, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 427. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,169km.

Mốc giới số 427 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1103,66m, tọa độ địa lý 23° 22' 34,908" vĩ độ Bắc, 105° 18' 15,145" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 427, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 428. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,439km.

Mốc giới số 428 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 788,83m, tọa độ địa lý 23° 22' 47,068" vĩ độ Bắc, 105° 18' 23,235" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 428, đường biên giới theo đường thẳng (đường kéo dài từ đường nối liền mốc giới số 427 với mốc giới số 428), hướng Bắc - Đông Bắc 270m, đến giao điểm giữa đường thẳng này và trung tuyến dòng chảy sông Nho Quế (Pu Mei He), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Nho Quế (Pu Mei He), hướng chung Đông Bắc 2,200km, rồi xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Nho Quế (Pu Mei He), hướng chung Đông Nam, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Nho Quế (Pu Mei He) và trung tuyến dòng chảy suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc 60m, đến mốc giới số 429.

Chiều dài đoạn biên giới này là 14,060km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 13,693km.

Mốc giới số 429 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 497,78m, tọa độ địa lý 23° 18' 39,661" vĩ độ Bắc, 105° 23' 00,322" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 429, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 430. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,201km.

Mốc giới số 430 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh khe nước, có độ cao là 662,53m, tọa độ địa lý 23° 18' 44,068" vĩ độ Bắc, 105° 23' 05,549" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 430, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 431. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,141km.

Mốc giới số 431 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối, có độ cao là 745,08m, tọa độ địa lý 23° 18' 48,518" vĩ độ Bắc, 105° 23' 06,797" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 431, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 432. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,121km.

Mốc giới số 432 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 803,16m, tọa độ địa lý 23° 18' 50,659" vĩ độ Bắc, 105° 23' 10,389" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 432, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 433. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,979km.

Mốc giới số 433 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 897,56m, tọa độ địa lý 23° 18' 25,992" vĩ độ Bắc, 105° 23' 32,137" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 433, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 434. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,730km.

Mốc giới số 434 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 962,55m, tọa độ địa lý 23° 18' 07,472" vĩ độ Bắc, 105° 23' 48,219" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 434, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 435. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,732km.

Mốc giới số 435 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1046,21m, tọa độ địa lý 23° 17' 48,976" vĩ độ Bắc, 105° 24' 04,419" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 435, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 436. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,129km.

Mốc giới số 436 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 982,23m, tọa độ địa lý 23° 17' 45,666" vĩ độ Bắc, 105° 24' 07,210" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 436, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 437. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,502km.

Mốc giới số 437 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1101,60m, tọa độ địa lý 23° 17' 36,749" vĩ độ Bắc, 105° 24' 21,237" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 437, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1123m, điểm có độ cao 1162m, đến mốc giới số 438. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,251km.

Mốc giới số 438 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1116,82m, tọa độ địa lý 23° 17' 10,743" vĩ độ Bắc, 105° 24' 52,718" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 438, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1175m, đến mốc giới số 439. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,408km.

Mốc giới số 439 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1181,28m, tọa độ địa lý 23° 17' 06,145" vĩ độ Bắc, 105° 25' 05,970" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 439, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 440. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,244km.

Mốc giới số 440 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1295,16m, tọa độ địa lý 23° 17' 05,581" vĩ độ Bắc, 105° 25' 14,504" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 440, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 441. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 441 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1373,25m, tọa độ địa lý 23° 17' 10,156" vĩ độ Bắc, 105° 25' 19,946" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 441, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 442. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,177km.

Mốc giới số 442 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1407,00m, tọa độ địa lý 23° 17' 13,955" vĩ độ Bắc, 105° 25' 24,269" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 442, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 443. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,837km.

Mốc giới số 443 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1637,96m, tọa độ địa lý 23° 17' 30,892" vĩ độ Bắc, 105° 25' 46,179" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 443, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 444. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,343km.

Mốc giới số 444 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối, có độ cao là 1507,78m, tọa độ địa lý 23° 17' 39,431" vĩ độ Bắc, 105° 25' 39,127" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 444, đường biên giới cắt qua một con suối, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 445. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,276km.

Mốc giới số 445 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1623,77m, tọa độ địa lý 23° 17' 47,085" vĩ độ Bắc, 105° 25' 34,607" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 445, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1652m, điểm có độ cao 1618m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 446. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,566km.

Mốc giới số 446 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1540,12m, tọa độ địa lý 23° 18' 03,574" vĩ độ Bắc, 105° 25' 42,543" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 446, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc 70m, đến giao điểm giữa đường thẳng này và trung tuyến dòng chảy mương nước, từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó ngược theo trung tuyến dòng chảy mương nước, hướng chung Đông Bắc 95m, đến đầu mương nước, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo mép ruộng, hướng Đông 20m, đến góc ruộng nước, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Bắc 107m, đến mốc giới số 447. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,292km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,095km.

Mốc giới số 447 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1622,04m, tọa độ địa lý 23° 18' 10,485" vĩ độ Bắc, 105° 25' 48,478" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 447, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua đỉnh núi Mỏ Phàng (Mao Huo Shan) có độ cao 1699m, đến mốc giới số 448. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,445km.

Mốc giới số 448 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1689,68m, tọa độ địa lý 23° 18' 10,033" vĩ độ Bắc, 105° 26' 03,623" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 448, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 449. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,242km.

Mốc giới số 449 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1638,81m, tọa độ địa lý 23° 18' 02,402" vĩ độ Bắc, 105° 26' 05,137" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 449, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 450. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,211km.

Mốc giới số 450 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Đông đường mòn, có độ cao là 1613,41m, tọa độ địa lý 23° 18' 02,591" vĩ độ Bắc, 105° 26' 12,570" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 450, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 451. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,158km.

Mốc giới số 451 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 1632,89m, tọa độ địa lý 23° 18' 02,732" vĩ độ Bắc, 105° 26' 18,143" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 451, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua hố đất, đến điểm có độ cao 1639m (tọa độ địa lý 23° 18' 02,57" vĩ độ Bắc, 105° 26' 21,12" kinh độ Đông), sau đó lại theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, qua yên ngựa, đến mốc giới số 452. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,354km.

Mốc giới số 452 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1670,38m, tọa độ địa lý 23° 17' 58,264" vĩ độ Bắc, 105° 26' 29,361" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 452, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 453. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,168km.

Mốc giới số 453 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1590,33m, tọa độ địa lý 23° 17' 53,008" vĩ độ Bắc, 105° 26' 27,718" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 453, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 1600m (tọa độ địa lý 23° 17' 51,84" vĩ độ Bắc, 105° 26' 29,08" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua khe núi, đến mốc giới số 454. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 454 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 1609,37m, tọa độ địa lý 23° 17' 45,737" vĩ độ Bắc, 105° 26' 35,967" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 454, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1632m (tọa độ địa lý 23° 17' 44,09" vĩ độ Bắc, 105° 26' 39,18" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 455. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,117km.

Mốc giới số 455 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1627,53m, tọa độ địa lý 23° 17' 44,451" vĩ độ Bắc, 105° 26' 39,370" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 455, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 1641m (tọa độ địa lý 23° 17' 41,27" vĩ độ Bắc, 105° 26' 42,01" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 456. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,206km.

Mốc giới số 456 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường đất từ Thượng Phùng (Việt Nam) đi Tian Peng (Trung Quốc), có độ cao là 1593,54m, tọa độ địa lý 23° 17' 39,106" vĩ độ Bắc, 105° 26' 43,744" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 456, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 457. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,412km.

Mốc giới số 457 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1737,42m, tọa độ địa lý 23° 17' 26,934" vĩ độ Bắc, 105° 26' 49,613" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 457, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1729m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1709m (tọa độ địa lý 23° 17' 14,72" vĩ độ Bắc, 105° 26' 47,87" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến điểm có độ cao 1728m (tọa độ địa lý 23° 17' 11,93" vĩ độ Bắc, 105° 26' 45,00" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 458. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,598km.

Mốc giới số 458 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1702,08m, tọa độ địa lý 23° 17' 11,470" vĩ độ Bắc, 105° 26' 47,298" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 458, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 459. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,113km.

Mốc giới số 459 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1718,69m, tọa độ địa lý 23° 17' 08,433" vĩ độ Bắc, 105° 26' 49,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 459, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 1725m (tọa độ địa lý 23° 17' 04,31" vĩ độ Bắc 105° 26' 52,51" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 460. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,336km.

Mốc giới số 460 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1724,60m, tọa độ địa lý 23° 16' 58,587" vĩ độ Bắc, 105° 26' 53,063" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 460, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 461. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,225km.

Mốc giới số 461 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1672,89m, tọa độ địa lý 23° 16' 52,379" vĩ độ Bắc, 105° 26' 56,805" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 461, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1681m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 462. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,420km.

Mốc giới số 462 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1673,70m, tọa độ địa lý 23° 16' 39,964" vĩ độ Bắc, 105° 27' 02,746" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 462, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1659m (tọa độ địa lý 23° 16' 37,08" vĩ độ Bắc, 105° 27' 06,98" kinh độ Đông), đến mốc giới số 463. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,311km.

Mốc giới số 463 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1674,95m, tọa độ địa lý 23° 16' 34,012" vĩ độ Bắc, 105° 27' 11,600" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 463, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1683m, đến mốc giới số 464. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,450km.

Mốc giới số 464 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1687,67m, tọa độ địa lý 23° 16' 26,266" vĩ độ Bắc, 105° 27' 22,769" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 464, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 465. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,235km.

Mốc giới số 465 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1657,29m, tọa độ địa lý 23° 16' 21,407" vĩ độ Bắc, 105° 27' 28,625" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 465, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1702m (tọa độ địa lý 23° 16' 04,60" vĩ độ Bắc, 105° 27' 45,45" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1659m (tọa độ địa lý 23° 16' 03,53" vĩ độ Bắc, 105° 27' 44,17" kinh độ Đông), rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 466. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,819km.

Mốc giới số 466 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1654,71m, tọa độ địa lý 23° 16' 01,836" vĩ độ Bắc, 105° 27' 44,577" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 466, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1695m, đến mốc giới số 467. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,679km.

Mốc giới số 467 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1629,28m, tọa độ địa lý 23° 15' 45,274" vĩ độ Bắc, 105° 27' 58,213" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 467, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 468. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,396km.

Mốc giới số 468 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1598,70m, tọa độ địa lý 23° 15' 34,252" vĩ độ Bắc, 105° 28' 04,382" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 468, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 469. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,308km.

Mốc giới số 469 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1606,64m, tọa độ địa lý 23° 15' 24,686" vĩ độ Bắc, 105° 28' 07,634" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 469, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1576m (tọa độ địa lý 23° 15' 21,54" vĩ độ Bắc, 105° 28' 13,22" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 470. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,439km.

Mốc giới số 470 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, có độ cao là 1558,54m, tọa độ địa lý 23° 15' 17,465" vĩ độ Bắc, 105° 28' 20,966" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 470, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 471. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,227km.

Mốc giới số 471 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1481,41m, tọa độ địa lý 23° 15' 10,117" vĩ độ Bắc, 105° 28' 21,497" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 471, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 472. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,142km.

Mốc giới số 472 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1517,96m, tọa độ địa lý 23° 15' 05,523" vĩ độ Bắc, 105° 28' 21,829" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 472, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 473. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,531km

Mốc giới số 473 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1519,97m, tọa độ địa lý 23° 14' 53,136" vĩ độ Bắc, 105° 28' 34,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 473, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 474. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 474 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1482,29m, tọa độ địa lý 23° 14' 47,954" vĩ độ Bắc, 105° 28' 40,323" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 474, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 475. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,212km.

Mốc giới số 475 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1516,05m, tọa độ địa lý 23° 14' 48,500" vĩ độ Bắc, 105° 28' 47,014" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 475, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua đường đất từ Xín Cái (Việt Nam) đi Tian Peng (Trung Quốc), đến mốc giới số 476. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,166km.

Mốc giới số 476 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở phía Nam đường đất từ Xín Cái (Việt Nam) đi Tian Peng (Trung Quốc), có độ cao là 1468,93m, tọa độ địa lý 23° 14' 43,803" vĩ độ Bắc, 105° 28' 49,872" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 476, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 477. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,124km.

Mốc giới số 477 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1528,28m, tọa độ địa lý 23° 14' 40,281" vĩ độ Bắc, 105° 28' 52,013" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 477, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1534m, sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 478. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,462km.

Mốc giới số 478 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1486,41m, tọa độ địa lý 23° 14' 29,696" vĩ độ Bắc, 105° 29' 02,861" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 478, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1494m (tọa độ địa lý 23° 14' 22,89" vĩ độ Bắc, 105° 29' 06,35" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 479. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,318km.

Mốc giới số 479 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1455,01m, tọa độ địa lý 23° 14' 20,407" vĩ độ Bắc, 105° 29' 07,800" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 479, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua khe, đến mốc giới số 480. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,220km.

Mốc giới số 480 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1450,68m, tọa độ địa lý 23° 14' 14,401" vĩ độ Bắc, 105° 29' 12,018" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 480, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1435m (tọa độ địa lý 23° 14' 11,72" vĩ độ Bắc, 105° 29' 12,53" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 481. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,184km.

Mốc giới số 481 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1369,54m, tọa độ địa lý 23° 14' 08,560" vĩ độ Bắc, 105° 29' 13,188" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 481, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 482. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,174km.

Mốc giới số 482 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1464,30m, tọa độ địa lý 23° 14' 02,920" vĩ độ Bắc, 105° 29' 13,581" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 482, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1501m, đến mốc giới số 482/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,313km.

Mốc giới số 482/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1470,32m, tọa độ địa lý 23° 13' 58,557" vĩ độ Bắc, 105° 29' 23,158" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 482/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 482/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,100km.

Mốc giới số 482/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1472,49m, tọa độ địa lý 23° 14' 00,220" vĩ độ Bắc, 105° 29' 26,180" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 482/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 482/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,163km.

Mốc giới số 482/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1472,66m, tọa độ địa lý 23° 13' 56,406" vĩ độ Bắc, 105° 29' 30,104" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 482/3, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 482/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,063km.

Mốc giới số 482/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1494,27m, tọa độ địa lý 23° 13' 57,144" vĩ độ Bắc, 105° 29' 32,175" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 482/4, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 483. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,079km.

Mốc giới số 483 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1502,77m, tọa độ địa lý 23° 13' 56,051" vĩ độ Bắc, 105° 29' 34,690" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 483, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 483/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,146km.

Mốc giới số 483/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1428,17m, tọa độ địa lý 23° 13' 51,591" vĩ độ Bắc, 105° 29' 33,481" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 483/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 483/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,059km.

Mốc giới số 483/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1458,99m, tọa độ địa lý 23° 13' 50,330" vĩ độ Bắc, 105° 29' 31,919" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 483/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 484. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,302km.

Mốc giới số 484 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1302,41m, tọa độ địa lý 23° 13' 40,787" vĩ độ Bắc, 105° 29' 29,928" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 484, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 484/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,038km.

Mốc giới số 484/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1311,01m, tọa độ địa lý 23° 13' 39,610" vĩ độ Bắc, 105° 29' 30,337" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 484/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 484/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,196km.

Mốc giới số 484/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1277,12m, tọa độ địa lý 23° 13' 33,546" vĩ độ Bắc, 105° 29' 28,348" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 484/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 485. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,308km.

Mốc giới số 485 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1253,62m, tọa độ địa lý 23° 13' 24,002" vĩ độ Bắc, 105° 29' 30,861" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 485, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 485/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,158km.

Mốc giới số 485/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1289,25m, tọa độ địa lý 23° 13' 19,135" vĩ độ Bắc, 105° 29' 32,440" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 485/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 485/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,152km.

Mốc giới số 485/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1345,19m, tọa độ địa lý 23° 13' 15,181" vĩ độ Bắc, 105° 29' 29,315" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 485/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1370m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 1389m, đến mốc giới số 486. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,960km.

Mốc giới số 486 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1347,79m, tọa độ địa lý 23° 12' 49,986" vĩ độ Bắc, 105° 29' 45,821" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 486, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 487. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,217km.

Mốc giới số 487 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Páo Sảng, có độ cao là 1420,32m, tọa độ địa lý 23° 12' 43,243" vĩ độ Bắc, 105° 29' 45,390" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 487, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 488. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,393km.

Mốc giới số 488 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1371,83m, tọa độ địa lý 23° 12' 33,399" vĩ độ Bắc, 105° 29' 53,227" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 488, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1348m (tọa độ địa lý 23° 12' 31,03" vĩ độ Bắc, 105° 29' 51,08" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 489. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,318km.

Mốc giới số 489 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1282,74m, tọa độ địa lý 23° 12' 23,993" vĩ độ Bắc, 105° 29' 49,491" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 489, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1347m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 490. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,499km.

Mốc giới số 490 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1364,52m, tọa độ địa lý 23° 12' 09,681" vĩ độ Bắc, 105° 29' 54,650" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 490, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 491. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,413km.

Mốc giới số 491 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1341,11m, tọa độ địa lý 23° 12' 07,201" vĩ độ Bắc, 105° 30' 07,047" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 491, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 492. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,369km.

Mốc giới số 492 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1291,43m, tọa độ địa lý 23° 12' 00,664" vĩ độ Bắc, 105° 30' 17,598" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 492, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1329m (tọa độ địa lý 23° 12' 01,28" vĩ độ

Bắc, 105° 30' 20,55" kinh độ Đông), đến mốc giới số 492/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,238km.

Mốc giới số 492/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1302,58m, tọa độ địa lý 23° 11' 58,361" vĩ độ Bắc, 105° 30' 24,696" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 492/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 493. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,696km.

Mốc giới số 493 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1322,96m, tọa độ địa lý 23° 11' 46,418" vĩ độ Bắc, 105° 30' 45,250" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 493, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 493/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,270km.

Mốc giới số 493/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1311,54m, tọa độ địa lý 23° 11' 50,018" vĩ độ Bắc, 105° 30' 53,475" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 493/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 493/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,211km.

Mốc giới số 493/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1269,36m, tọa độ địa lý 23° 11' 47,806" vĩ độ Bắc, 105° 30' 59,728" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 493/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 494. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,390km.

Mốc giới số 494 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1299,89m, tọa độ địa lý 23° 11' 19,352" vĩ độ Bắc, 105° 31' 36,170" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 494, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 495. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,381km.

Mốc giới số 495 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1163,54m, tọa độ địa lý 23° 11' 23,442" vĩ độ Bắc, 105° 31' 48,807" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 495, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1156m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 496. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,352km.

Mốc giới số 496 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1141,02m, tọa độ địa lý 23° 11' 27,148" vĩ độ Bắc, 105° 32' 00,509" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 496, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 497. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,248km.

Mốc giới số 497 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1029,20m, tọa độ địa lý 23° 11' 29,199" vĩ độ Bắc, 105° 32' 08,927" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 497, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 498, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 498(1) và cột mốc số 498(2) với trung tuyến dòng chảy suối Lũng Li (Yan Dong He). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,414km.

Mốc 498 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 498(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối Lũng Li (Yan Dong He) phía Trung Quốc, có độ cao là 885,82m, tọa độ địa lý 23° 11' 33,440" vĩ độ Bắc, 105° 32' 23,040" kinh độ Đông. Cột mốc số 498(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối Lũng Li (Yan Dong He) phía Việt Nam, có độ cao là 883,86m, tọa độ địa lý 23° 11' 32,282" vĩ độ Bắc, 105° 32' 23,082" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 498(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 498(2) là 20,75m. Khoảng cách từ cột mốc số 498(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 498(1) là 14,89m.

Từ mốc giới số 498, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối Lũng Li (Yan Dong He), hướng chung Đông Bắc 240m, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Lũng Li (Yan Dong He) và đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy suối Lũng Li (Yan Dong He), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng này, hướng Đông - Đông Bắc 36m, đến mốc giới số 499. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,276km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,240km.

Mốc giới số 499 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 885,94m, tọa độ địa lý 23° 11' 37,799" vĩ độ Bắc, 105° 32' 28,903" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 499, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1199m, đỉnh núi Lủng Láo Chấn (Nong Bao Shan) có độ cao 1253m, đến mốc giới số 500. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,142km.

Mốc giới số 500 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1148,89m, tọa độ địa lý 23° 11' 18,792" vĩ độ Bắc, 105° 32' 57,792" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 500, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 501. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,260km.

Mốc giới số 501 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1024,30m, tọa độ địa lý 23° 11' 17,269" vĩ độ Bắc, 105° 33' 06,376" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 501, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1098m, đến mốc giới số 502. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,312km.

Mốc giới số 502 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1033,31m, tọa độ địa lý 23° 11' 10,504" vĩ độ Bắc, 105° 33' 13,209" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 502, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 503. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,351km.

Mốc giới số 503 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1165,01m, tọa độ địa lý 23° 10' 59,552" vĩ độ Bắc, 105° 33' 15,267" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 503, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua đỉnh núi Keng Lày có độ cao 1288m, đỉnh núi Gia Chót có độ cao 1266m, đến mốc giới số 504. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,138km.

Mốc giới số 504 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1184,13m, tọa độ địa lý 23° 10' 31,752" vĩ độ Bắc, 105° 33' 27,140" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 504, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua đỉnh núi Dù Nhỉn có độ cao 1319m, đến mốc giới số 505. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,453km.

Mốc giới số 505 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1234,90m, tọa độ địa lý 23° 10' 18,743" vĩ độ Bắc, 105° 33' 31,104" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 505, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 506. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,610km.

Mốc giới số 506 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1236,45m, tọa độ địa lý 23° 10' 03,616" vĩ độ Bắc, 105° 33' 43,391" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 506, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 507. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,689km.

Mốc giới số 507 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1185,22m, tọa độ địa lý 23° 09' 50,157" vĩ độ Bắc, 105° 34' 01,502" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 507, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua đỉnh núi Chúa Lìa có độ cao 1330m, đến mốc giới số 508. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,558km.

Mốc giới số 508 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1210,73m, tọa độ địa lý 23° 09' 39,038" vĩ độ Bắc, 105° 34' 15,173" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 508, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1319m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 509. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,535km.

Mốc giới số 509 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1300,01m, tọa độ địa lý 23° 09' 34,195" vĩ độ Bắc, 105° 34' 26,490" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 509, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 510. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,371km.

Mốc giới số 510 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1285,77m, tọa độ địa lý 23° 09' 22,760" vĩ độ Bắc, 105° 34' 24,434" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 510, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 511. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,644km.

Mốc giới số 511 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1119,44m, tọa độ địa lý 23° 09' 04,715" vĩ độ Bắc, 105° 34' 17,311" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 511, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1160m trên sống núi (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1214m, rồi theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 512. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,547km.

Mốc giới số 512 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1042,14m, tọa độ địa lý 23° 08' 53,468 " vĩ độ Bắc, 105° 34' 13,298 " kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 512, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến điểm có độ cao 1210m trên sống núi (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1270m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến mốc giới số 513. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,656km.

Mốc giới số 513 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1154,26m, tọa độ địa lý 23° 08' 41,019" vĩ độ Bắc, 105° 33' 57,744" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 513, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 514. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,278km.

Mốc giới số 514 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1172,02m, tọa độ địa lý 23° 08' 37,789 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 49,850" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 514, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 515. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,651km.

Mốc giới số 515 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 1061,06m, tọa độ địa lý 23° 08' 20,558" vĩ độ Bắc, 105° 33' 55,454" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 515, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1225m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 516. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,513km.

Mốc giới số 516 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1062,57m, tọa độ địa lý 23° 08' 04,784 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 57,367" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 516, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua đỉnh núi Chúng Khúa có độ cao 1164m, đến mốc giới số 517. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,295km.

Mốc giới số 517 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1072,16m, tọa độ địa lý 23° 07' 57,797" vĩ độ Bắc, 105° 33' 52,369" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 517, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, qua điểm có độ cao 1276m, đến điểm có độ cao 1421m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua đỉnh núi Cá Chua Đớ có độ cao 1411m, đến điểm có độ cao 1345m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 518. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,898km.

Mốc giới số 518 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao 1222,58m, tọa độ địa lý 23° 07' 12,250 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 52,774 " kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 518, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 519. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,220km.

Mốc giới số 519 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1161,66m, tọa độ địa lý 23° 07' 05,147 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 53,039 " kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 519, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 519/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,095km.

Mốc giới số 519/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1177,40m, tọa độ địa lý 23° 07' 05,640 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 49,732 " kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 519/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 519/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,142km.

Mốc giới số 519/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1251,23m, tọa độ địa lý 23° 07' 03,209 " vĩ độ Bắc, 105° 33' 45,512 " kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 519/2 đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1290m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 520. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,141km.

Mốc giới số 520 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1261,81m, tọa độ địa lý 23° 06' 59,536" vĩ độ Bắc, 105° 33' 43,281" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 520, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1311m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 521. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,218km.

Mốc giới số 521 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1237,35m, tọa độ địa lý 23° 06' 55,037" vĩ độ Bắc, 105° 33' 42,078" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 521, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 522. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,581km.

Mốc giới số 522 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại đáy khe núi, có độ cao là 1271,52m, tọa độ địa lý 23° 06' 45,741" vĩ độ Bắc, 105° 33' 55,708" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 522, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 523. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,446km.

Mốc giới số 523 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1329,28m, tọa độ địa lý 23° 06' 34,002" vĩ độ Bắc, 105° 33' 50,335" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 523, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 1399m, đến mốc giới số 524. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,466km.

Mốc giới số 524 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1291,68m, tọa độ địa lý 23° 06' 22,636" vĩ độ Bắc, 105° 33' 51,350" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 524, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 525. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,222km.

Mốc giới số 525 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1320,45m, tọa độ địa lý 23° 06' 15,885" vĩ độ Bắc, 105° 33' 49,220" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 525, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1439m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1370m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 526. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,722km.

Mốc giới số 526 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1265,39m, tọa độ địa lý 23° 06' 02,377" vĩ độ Bắc, 105° 33' 57,260" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 526, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 527. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,261km.

Mốc giới số 527 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1355,17m, tọa độ địa lý 23° 05' 55,471" vĩ độ Bắc, 105° 33' 52,996" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 527, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 528. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,855km.

Mốc giới số 528 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1250,27m, tọa độ địa lý 23° 05' 34,360" vĩ độ Bắc, 105° 33' 47,017" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 528, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 529. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,686km.

Mốc giới số 529 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1375,15m, tọa độ địa lý 23° 05' 16,752" vĩ độ Bắc, 105° 33' 36,422" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 529, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 530. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,628km.

Mốc giới số 530 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1263,41m, tọa độ địa lý 23° 05' 06,574" vĩ độ Bắc, 105° 33' 54,528" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 530, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1375m, điểm có độ cao 1383m, đến mốc giới số 531. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,617km.

Mốc giới số 531 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1113,90m, tọa độ địa lý 23° 04' 25,837" vĩ độ Bắc, 105° 34' 13,652" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 531, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 532. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,924km.

Mốc giới số 532 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 409,90m, tọa độ địa lý 23° 04' 09,736" vĩ độ Bắc, 105° 34' 41,059" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 532, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 532/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,296km.

Mốc giới số 532/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 457,36m, tọa độ địa lý 23° 04' 08,606" vĩ độ Bắc, 105° 34' 49,671" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 532/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 532/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,191km.

Mốc giới số 532/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 444,10m, tọa độ địa lý 23° 04' 04,798" vĩ độ Bắc, 105° 34' 54,975" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 532/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 533. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,196km.

Mốc giới số 533 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 437,46m, tọa độ địa lý 23° 04' 04,036" vĩ độ Bắc, 105° 35' 00,758" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 533, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 534. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,246km.

Mốc giới số 534 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 355,45m, tọa độ địa lý 23° 04' 07,677" vĩ độ Bắc, 105° 35' 07,591" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 534, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc 60m, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Cốc Pàng (suối không tên) và trung tuyến đáy một khe không tên, sau đó theo trung tuyến đáy khe núi không tên, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 535, tức là giao điểm của đường nối liền cột mốc số 535(1) và cột mốc số 535(2) với trung tuyến đáy một khe không tên. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,099km.

Mốc giới số 535 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 535(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe không tên phía Trung Quốc, có độ cao là 357,71m, tọa độ địa lý 23° 04' 10,822" vĩ độ Bắc, 105° 35' 07,847" kinh độ Đông. Cột mốc số 535(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe không tên phía Việt Nam, có độ cao là 354,72m, tọa độ địa lý 23° 04' 10,700" vĩ độ Bắc, 105° 35' 09,197" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 535(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 535(2) là 20,33m. Khoảng cách từ cột mốc số 535(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 535(1) là 18,25m.

Từ mốc giới số 535, đường biên giới theo trung tuyến đáy khe núi không tên, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 536. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,507km.

Mốc giới số 536 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 506,56m, tọa độ địa lý 23° 04' 09,266" vĩ độ Bắc, 105° 35' 24,451" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 536, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 536/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,245km.

Mốc giới số 536/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn, có độ cao là 529,52m, tọa độ địa lý 23° 04' 17,005" vĩ độ Bắc, 105° 35' 26,417" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 536/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 536/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,064km.

Mốc giới số 536/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn, có độ cao là 539,98m, tọa độ địa lý 23° 04' 19,071" vĩ độ Bắc, 105° 35' 26,065" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 536/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 536/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,070km.

Mốc giới số 536/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn, có độ cao là 542,56m, tọa độ địa lý 23° 04' 21,100" vĩ độ Bắc, 105° 35' 27,188" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 536/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 537. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,050km.

Mốc giới số 537 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, tại đường mòn, có độ cao là 539,72m, tọa độ địa lý 23° 04' 22,437" vĩ độ Bắc, 105° 35' 28,193" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 537, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 537/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,066km.

Mốc giới số 537/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 541,58m, tọa độ địa lý 23° 04' 24,060" vĩ độ Bắc, 105° 35' 29,690" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 537/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 537/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,174km.

Mốc giới số 537/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 586,34m, tọa độ địa lý 23° 04' 28,618" vĩ độ Bắc, 105° 35' 33,300" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 537/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 537/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,065km.

Mốc giới số 537/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn, có độ cao là 600,25m, tọa độ địa lý 23° 04' 30,604" vĩ độ Bắc, 105° 35' 34,084" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 537/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 537/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,112km.

Mốc giới số 537/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn, có độ cao là 613,12m, tọa độ địa lý 23° 04' 33,093" vĩ độ Bắc, 105° 35' 36,946" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 537/4, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 538. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,102km.

Mốc giới số 538 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 620,42m, tọa độ địa lý 23° 04' 34,777" vĩ độ Bắc, 105° 35' 40,030" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 538, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 538/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,083km.

Mốc giới số 538/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 642,41m, tọa độ địa lý 23° 04' 34,949" vĩ độ Bắc, 105° 35' 42,954" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 538/1, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 538/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,101km.

Mốc giới số 538/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 661,88m, tọa độ địa lý 23° 04' 35,442" vĩ độ Bắc, 105° 35' 46,435" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 538/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 538/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,100km.

Mốc giới số 538/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 671,92m, tọa độ địa lý 23° 04' 34,887" vĩ độ Bắc, 105° 35' 49,890" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 538/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 538/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,087km.

Mốc giới số 538/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 692,15m, tọa độ địa lý 23° 04' 33,886" vĩ độ Bắc, 105° 35' 52,755" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 538/4, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 539. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,194km.

Mốc giới số 539 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 696,94m, tọa độ địa lý 23° 04' 36,260" vĩ độ Bắc, 105° 35' 59,053" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 539, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông 190m, đến điểm có độ cao 690m (tọa độ địa lý 23° 04' 37,74" vĩ độ Bắc, 105° 36' 05,39" kinh độ Đông), sau đó theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông 160m, đến điểm có độ cao 695m (tọa độ địa lý 23° 04' 37,12" vĩ độ Bắc, 105° 36' 11,00" kinh độ Đông), rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 540. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,550km.

Mốc giới số 540 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 696,66m, tọa độ địa lý 23° 04' 35,607" vĩ độ Bắc, 105° 36' 17,859" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 540, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 541. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,350km.

Mốc giới số 541 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 733,81m, tọa độ địa lý 23° 04' 32,057" vĩ độ Bắc, 105° 36' 27,522" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 541, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 542. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,427km.

Mốc giới số 542 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 793,97m, tọa độ địa lý 23° 04' 20,556" vĩ độ Bắc, 105° 36' 35,401" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 542, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 542/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,175km.

Mốc giới số 542/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 826,33m, tọa độ địa lý 23° 04' 17,806" vĩ độ Bắc, 105° 36' 40,762" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 542/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 542/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,098km.

Mốc giới số 542/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 833,21m, tọa độ địa lý 23° 04' 16,093" vĩ độ Bắc, 105° 36' 43,685" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 542/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 543. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,105km.

Mốc giới số 543 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 847,60m, tọa độ địa lý 23° 04' 14,380" vĩ độ Bắc, 105° 36' 46,820" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 543, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 543/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,157km.

Mốc giới số 543/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 863,21m, tọa độ địa lý 23° 04' 12,551" vĩ độ Bắc, 105° 36' 51,949" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 543/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 543/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,166km.

Mốc giới số 543/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 900,06m, tọa độ địa lý 23° 04' 09,826" vĩ độ Bắc, 105° 36' 56,685" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 543/2, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 544. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,138km.

Mốc giới số 544 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 926,32m, tọa độ địa lý 23° 04' 07,461" vĩ độ Bắc, 105° 37' 00,796" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 544, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Tây sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 545. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,353km.

Mốc giới số 545 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sống núi, có độ cao là 916,99m, tọa độ địa lý 23° 03' 57,882" vĩ độ Bắc, 105° 37' 05,662" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 545, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 546. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 546 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Đông sống núi, có độ cao là 861,22m, tọa độ địa lý 23° 04' 05,622" vĩ độ Bắc, 105° 37' 10,751" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 546, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 547. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,334km.

Mốc giới số 547 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn, có độ cao là 860,52m, tọa độ địa lý 23° 04' 11,555" vĩ độ Bắc, 105° 37' 18,721" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 547, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 548. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,673km.

Mốc giới số 548 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Đông Nam sống núi, có độ cao là 889,76m, tọa độ địa lý 23° 04' 17,278" vĩ độ Bắc, 105° 37' 39,182" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 548, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông Nam sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 549. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,370km.

Mốc giới số 549 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Đông Nam sống núi, có độ cao là 913,12m, tọa độ địa lý 23° 04' 28,780" vĩ độ Bắc, 105° 37' 40,546" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 549, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 550. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,225km.

Mốc giới số 550 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Đông Nam sống núi, có độ cao là 909,93m, tọa độ địa lý 23° 04' 29,769" vĩ độ Bắc, 105° 37' 47,812" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 550, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông Nam sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 551. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,446km.

Mốc giới số 551 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Đông Nam sống núi, có độ cao là 922,14m, tọa độ địa lý 23° 04' 43,030" vĩ độ Bắc, 105° 37' 51,343" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 551, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 552. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,511km.

Mốc giới số 552 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 913,31m, tọa độ địa lý 23° 04' 49,942" vĩ độ Bắc, 105° 38' 05,994" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 552, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 553. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,517km.

Mốc giới số 553 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 924,04m, tọa độ địa lý 23° 04' 52,263" vĩ độ Bắc, 105° 38' 23,633" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 553, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 554. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,166km.

Mốc giới số 554 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 948,04m, tọa độ địa lý 23° 04' 53,493" vĩ độ Bắc, 105° 38' 29,332" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 554, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 555. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,529km.

Mốc giới số 555 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 928,43m, tọa độ địa lý 23° 04' 51,802" vĩ độ Bắc, 105° 38' 47,412" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 555, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 556. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,429km.

Mốc giới số 556 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 937,76m, tọa độ địa lý 23° 04' 43,453" vĩ độ Bắc, 105° 38' 55,993" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 556, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 556/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,203km.

Mốc giới số 556/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sống núi, có độ cao là 879,19m, tọa độ địa lý 23° 04' 38,027" vĩ độ Bắc, 105° 38' 59,866" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 556/1, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Bắc sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 556/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,262km.

Mốc giới số 556/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Bắc sống núi, có độ cao là 868,81m, tọa độ địa lý 23° 04' 32,511" vĩ độ Bắc, 105° 39' 06,871" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 556/2, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Bắc sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 557. Chiều dài đoạn biên giới này 0,267km.

Mốc giới số 557 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sống núi, có độ cao là 877,58m, tọa độ địa lý 23° 04' 29,038" vĩ độ Bắc, 105° 39' 15,164" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 557, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn trên sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 557/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,152km.

Mốc giới số 557/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 877,37m, tọa độ địa lý 23° 04' 29,930" vĩ độ Bắc, 105° 39' 20,400" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 557/1, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 557/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,230km.

Mốc giới số 557/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sống núi, có độ cao là 883,90m, tọa độ địa lý 23° 04' 29,231" vĩ độ Bắc, 105° 39' 28,089" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 557/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 558. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,196km.

Mốc giới số 558 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 918,30m, tọa độ địa lý 23° 04' 29,217" vĩ độ Bắc, 105° 39' 34,958" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 558, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 559. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,488km.

Mốc giới số 559 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 928,09m, tọa độ địa lý 23° 04' 16,662" vĩ độ Bắc, 105° 39' 41,431" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 559, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 560. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 560 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 932,90m, tọa độ địa lý 23° 04' 07,373" vĩ độ Bắc, 105° 39' 53,040" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 560, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 561. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,656km.

Mốc giới số 561 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 927,78m, tọa độ địa lý 23° 04' 01,503" vĩ độ Bắc, 105° 40' 10,138" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 561, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 562. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,589km.

Mốc giới số 562 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 962,10m, tọa độ địa lý 23° 03' 55,672" vĩ độ Bắc, 105° 40' 29,389" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 562, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Tây sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 563. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,348km.

Mốc giới số 563 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 973,55m, tọa độ địa lý 23° 03' 44,634" vĩ độ Bắc, 105° 40' 30,731" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 563, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 564. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,348km.

Mốc giới số 564 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 985,37m, tọa độ địa lý 23° 03' 44,662" vĩ độ Bắc, 105° 40' 41,929" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 564, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Đông sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 565. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 565 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 999,26m, tọa độ địa lý 23° 03' 50,884" vĩ độ Bắc, 105° 40' 45,408" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 565, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 565/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,149km.

Mốc giới số 565/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn phía Nam sống núi, có độ cao là 981,43m, tọa độ địa lý 23° 03' 50,974" vĩ độ Bắc, 105° 40' 50,600" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 565/1, đường biên giới theo trung tuyến của đường mòn phía Nam sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 565/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,246km.

Mốc giới số 565/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 954,91m, tọa độ địa lý 23° 03' 49,364" vĩ độ Bắc, 105° 40' 58,942" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 565/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 566. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,599km.

Mốc giới số 566 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 788,76m, tọa độ địa lý 23° 03' 46,139" vĩ độ Bắc, 105° 41' 19,565" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 566, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 566/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,156km.

(Xem tiếp Công báo số 638 + 639)

CÔNG BÁO Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng